
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty Cổ Phần Que hàn điện Việt Đức

Địa chỉ: Nhị Khê Thường Tín, Hà Nội

Điện thoại : 034 3.853361 Fax: 034 3.853653

Website: www.viwelco.com.vn

2. Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.3 8242897 Fax: 08.3 8247430

Website: <http://www.ssi.com.vn>

Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3 936 6321 Fax: 04. 3 9366 318

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Hoàng Xuân Thành

Số điện thoại: 0433 853363

Chức vụ: Kế toán trưởng

Fax: 0433 853653

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303000133, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2003, thay đổi lần 2 ngày 19 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng niêm yết: 2.742.270 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết: 27.422.700.000 đồng (tính theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

- ❖ Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán (AASC)
Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu Hà Nội – Việt Nam
Điện thoại: (84.4) 8241990/1 Fax: (84.4) 8253973

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

- ❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)
 - *Trụ sở chính*
Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 3 8 242 897 Fax: (84.8) 3 8 247 430
Email: ssi@ssi.com.vn Website: www.ssi.com.vn
 - *Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn*
Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (84.4) 3 9366 321 Fax: (84.4) 3 9366 318
Email: ssi_hn@ssi.com.vn

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp.....	5
3. Rủi ro hoạt động kinh doanh và đặc thù ngành.....	6
4. Rủi ro về biến động giá chứng khoán	7
5. Rủi ro khác	7
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	8
1. Tổ chức Niêm yết - Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức.....	8
1. Tổ chức tư vấn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội.....	8
III. CÁC KHÁI NIỆM	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	10
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	10
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	12
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	12
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ	17
5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không 19	
6. Hoạt động kinh doanh	19
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2007- Quý 2 năm 2009	29
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	31
9. Chính sách đối với người lao động	32
10. Chính sách cổ tức	33
11. Tình hình tài chính	34
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	38
13. Tài sản	48
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	49
15. Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	51
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu.	52

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	53
1. Loại chứng khoán	53
2. Mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu	53
3. Tổng số chứng khoán niêm yết	53
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Công ty.....	53
5. Phương pháp tính giá.....	54
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:.....	55
7. Các loại thuế có liên quan:	55
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT	56
1. Tổ chức Tư vấn	56
2. Tổ chức Kiểm toán.....	56
VII. PHỤ LỤC.....	57

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là tốc độ phát triển công nghiệp và xây dựng có ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của công ty. Khi các ngành như đóng tàu, lắp máy, xây dựng phát triển sẽ tác động trực tiếp đến thị phần của công ty và ngược lại.

Trong những năm qua, nền kinh tế Việt Nam đã đạt những tiến bộ vượt bậc, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình trong các năm từ 2002 - 2007 là 7,8%. Đặc biệt trong năm 2007, tăng trưởng GDP của Việt Nam lên tới 8,48%, mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 1 thập kỷ qua. Hơn thế nữa, năm 2007 cũng là năm đánh dấu mốc son Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), điều này chứng tỏ nền kinh tế Việt Nam đã từng bước hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới.

Cùng với những lợi ích từ việc hội nhập với nền kinh tế thế giới, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những thách thức và khó khăn do việc hội nhập mang lại, điển hình là cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới bùng phát từ Mỹ. Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam năm 2008 lên đến 19,89%¹, trong khi tốc độ tăng trưởng GDP 2008 đã có dấu hiệu suy giảm chỉ đạt mức 6,23% so với mức 8,48% năm 2007. Chỉ tiêu này cho năm 2009 cũng đã được điều chỉnh xuống 5%. Cùng với đó là cảnh báo nguy cơ lạm phát cao sẽ có khả năng quay lại trong năm nay sẽ trở thành thách thức rất lớn đối với chỉ tiêu đầu tư toàn xã hội của nền kinh tế nói chung và của Công ty nói riêng.

2. Rủi ro về luật pháp

Là một doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động của Công ty phải tuân thủ theo các quy định của của hệ thống pháp luật Việt Nam. Đến nay, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới nên sẽ tiến hành từng bước những cải tổ về hành lang pháp lý phù hợp với thông lệ quốc tế. Quá trình chỉnh sửa, hướng dẫn các văn bản Luật kéo dài và có nhiều văn bản chồng chéo gây khó khăn trong hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, những biến động về pháp luật đều tác động đến hoạt động SXKD của Công ty, đặc biệt là thuế nhập khẩu nguyên liệu.

Do đó, nhằm hạn chế rủi ro, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước cũng như pháp luật để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp cho từng thời kỳ.

¹ Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=413&thangtk=12/2008>

3. Rủi ro hoạt động kinh doanh và đặc thù ngành

3.1 Rủi ro đặc thù ngành

Công ty hoạt động trong ngành công nghiệp phụ trợ - sản xuất vật liệu hàn là ngành hẹp, có ít doanh nghiệp tham gia. Do vậy, kỹ thuật và chuyên môn để sản xuất vật liệu hàn không có trường Đại học nào của Việt Nam đào tạo. Điều này có tác động trực tiếp đến lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực của Công ty. Hầu hết đội ngũ công nhân kỹ thuật đều phải đào tạo lại. Để khắc phục khó khăn này, Công ty chủ động tuyển dụng đội ngũ lao động đã am hiểu cơ bản về kỹ thuật, tốt nghiệp ít nhất từ các trường dạy nghề, trung cấp trở lên và tổ chức đào tạo trực tiếp để đáp ứng được yêu cầu của công việc và dần dần nâng cao tay nghề sản xuất.

3.2 Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Do đặc điểm 75% giá trị nguyên liệu đầu vào của công ty là nhập khẩu vì vậy những biến động giá thị trường thế giới sẽ tác động trực tiếp đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể trong nửa cuối năm 2008, giá nguyên vật liệu nói chung và giá thép nói riêng đã tăng đột biến. Năm 2008, tính trung bình giá thép làm que hàn và dây hàn tăng gần 60%, giá fero mangan tăng trên 70% điều này là nguyên nhân chính làm cho giá vốn/đơn vị sản phẩm trong năm 2008 tăng khoảng 50%.

3.3 Rủi ro tỷ giá

Nguyên liệu nhập khẩu của công ty được thanh toán chủ yếu bằng đồng Đô la (USD) và đồng nhân dân tệ Trung Quốc (CNY) nên lợi nhuận và hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn từ chính sách điều hành tỷ giá của Việt Nam và chính sách tiền tệ của hai quốc gia trên.

Trong năm 2008, khủng hoảng kinh tế trên thế giới diễn ra sâu rộng, giá nguyên vật liệu tăng nhanh, kinh tế Việt Nam phải đối mặt với lạm phát tăng mạnh, nhập siêu ở mức cao... những nhân tố này khiến cho tỷ giá USD/VND cũng tăng mạnh gây khó khăn cho các doanh nghiệp nhập khẩu nói chung và Công ty nói riêng.

Hơn nữa, với chính sách giữ giá đồng CNY, chính phủ Trung Quốc đã thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ cho hàng xuất nhập khẩu như hoàn thuế xuất khẩu, hỗ trợ nhập khẩu... tuy nhiên chính sách này cũng thường xuyên bị thay đổi thất thường. Điều này đã gây khó khăn cho công tác dự báo của Công ty.

Để hạn chế những rủi ro về tỷ giá, bên cạnh việc chú trọng công tác đánh giá, dự báo về thị trường để đưa ra những quyết định kịp thời, Công ty áp dụng chính sách mua nguyên vật liệu qua tổ chức thương mại là chủ yếu để chia sẻ những rủi ro những biến động của tỷ giá gây ra.

3.4 Rủi ro về thanh toán

Những khách hàng chính của công ty đều hoạt động trong các lĩnh vực sử dụng nguồn vốn của Nhà nước (như đóng tàu, xây dựng, giao thông, lắp máy...), tốc độ luân chuyển vốn chậm, vì vậy có nhiều khả năng dẫn đến các hiện tượng nợ lâu, nợ đọng và nợ khó đòi... Để hạn chế rủi ro thanh toán, Công ty đã tăng cường công tác quản lý và giám sát nợ phải thu, gắn trách nhiệm trách nhiệm thu nợ của các đại lý với quyền lợi của họ; đánh giá và lựa chọn khách hàng và đại lý có tình hình tài chính lành mạnh... Trong các năm qua, Công ty đã tiến hành trích lập đầy đủ dự phòng các khoản phải thu khó đòi, số trích lập đến 30/9/2009 khoảng 1,8 tỷ đồng.

4. Rủi ro về biến động giá chứng khoán

Giá của một loại cổ phiếu tại từng thời điểm được xác định bởi cung cầu trên thị trường, mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Thực hiện việc niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đồng nghĩa với việc giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu sự tác động của nhiều yếu tố như kết quả hoạt động kinh doanh, tâm lý nhà đầu tư, tình hình kinh tế, điều kiện thị trường sự hiểu biết của nhà đầu tư đối với Công ty và thị trường chứng khoán...

5. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất, ...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo xảy ra trên quy mô lớn.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức Niêm yết - Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức

- | | |
|-------------------------|--|
| ❖ Ông: Ngô Bá Việt | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Giám Đốc |
| ❖ Ông: Bùi Hồng Sơn | Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty |
| ❖ Hoàng Xuân Thành | Chức vụ: Kế toán trưởng |
| ❖ Ông : Phạm Văn Chương | Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

1. Tổ chức tư vấn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Bà Nguyễn Thanh Hương Chức vụ: Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

❖ UBCKNN	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
❖ SGDKHN	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
❖ TTCK	Thị trường chứng khoán
❖ Công ty	Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức
❖ Điều lệ	Điều lệ Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức
❖ SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
❖ Giấy CNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
❖ ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
❖ BKS	Ban Kiểm soát
❖ BGĐ	Ban Giám đốc
❖ CK	Chứng khoán
❖ TSCĐ	Tài sản cố định
❖ KT – KCS	Kỹ thuật – Kiểm tra chất lượng sản phẩm
❖ Thuế TNDN	Thuế Thu nhập doanh nghiệp
❖ CĐ	Cổ đông
❖ ĐVT	Đơn vị tính
❖ CBCNV	Cán bộ, công nhân viên
❖ HTQLCL	Hệ thống quản lý chất lượng

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Thông tin chung

- ❖ Tên gọi : Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức
- ❖ Tên giao dịch quốc tế: Viet- Duc Welding Electrode Joint Stock Company
- ❖ Tên viết tắt: VIWELCO
- ❖ Địa chỉ: Phố Quán Gánh - Xã Nhị Khê - Huyện Thường Tín Hà Nội
- ❖ Điện thoại: 04 33.853361 Fax: 043 3.853653
- ❖ Email: viwelco@fpt.vn
- ❖ Website : www.viwelco.com.vn



- ❖ Logo :
- ❖ Lĩnh vực hoạt động kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0303000133 thay đổi lần 2 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội ngày 19 tháng 06 năm 2009, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu hàn (que hàn điện, dây hàn);
 - Kinh doanh vật tư, nguyên liệu để sản xuất vật liệu hàn;
 - Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật
- ❖ Vốn điều lệ: 27.422.700.000 đồng (Hai mươi bảy tỷ, bốn trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm nghìn đồng)

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- ❖ Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tiền thân là Nhà máy Que hàn điện, được thành lập ngày 29/3/1967 tại phường Giáp Bát, khu Đống Đa, TP Hà Nội.
- ❖ Khi mới thành lập, trực thuộc Bộ Công nghiệp nặng, Nhà máy có quy mô nhỏ bé với hai dây chuyền sản xuất và toàn bộ trang thiết bị do CHDC Đức cung cấp.
- ❖ Năm 1967, Nhà máy đã sản xuất được 230 tấn que hàn điện cung cấp cho cả nước khi đó còn đang trong thời kỳ chiến tranh.

- ❖ Năm 1977, Chính phủ quyết định mở rộng Nhà máy với 6 dây chuyền sản xuất đồng bộ của CHDC Đức, công suất thiết kế 7.200 tấn/năm và đổi tên thành Nhà máy Que hàn điện Việt Nam - CHDC Đức
- ❖ Năm 1978, do khó khăn về kinh tế, không có điều kiện thuê chuyên gia CHDC Đức nên mặc dù phần lớn máy móc, thiết bị của Nhà máy đã được nhập về nhưng việc lắp đặt dây chuyền vẫn chưa được thực hiện.
- ❖ Từ năm 1980 đến 1982, với kinh nghiệm và khả năng chuyên môn của đội ngũ CBCNV, Nhà máy vừa sản xuất vừa tự tiến hành lắp đặt thiết bị. Đến cuối năm 1982, Nhà máy đã cơ bản hoàn thành việc lắp đặt và chính thức đi vào hoạt động, đến nay toàn bộ những dây chuyền của Nhà máy vẫn đang hoạt động hiệu quả.
- ❖ Tháng 3/1995, Bộ Công nghiệp ra quyết định đổi tên Nhà máy thành Công ty Que hàn điện Việt Đức để phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh mới.
- ❖ Trong giai đoạn từ năm 1997 đến nay, Công ty luôn không ngừng phát triển khẳng định mình và đã đạt được nhiều thành tích. Công ty đã được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng nhất.
- ❖ Theo quyết định 1335/QĐ-TCCB ngày 10 tháng 06 năm 2003 của Bộ công nghiệp, Công ty tiến hành các thủ tục để thực hiện cổ phần hóa. Ngày 14 tháng 10 năm 2003 Bộ công nghiệp ra quyết định số 166/2003/QĐ-BCN phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Que hàn điện Việt Đức thành Công ty cổ phần que hàn điện Việt Đức.
- ❖ Từ 26 tháng 12 năm 2003, Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.
- ❖ Quá trình tăng vốn điều lệ:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ

TT	Vốn điều lệ (Đồng)	Giá trị phát hành (Đồng)	Ghi chú
1	13.712.000.000	13.712.000.000	Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 0303000133 cấp lần đầu ngày 26/12/2003
2	21.390.300.000	7.678.300.000	Trả cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu 56%. Công ty đã báo cáo UBCKNN tại văn bản số 373/CV-QHĐ ngày 20 tháng 11 năm 2008

3	27.422.700.000	6.032.400.000	Trả cổ tức năm 2008 bằng cổ phiếu 6,7% tương đương 1.433.350.000 đồng và phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 100:21,5 tương đương 4.599.050.000 đồng. Công ty đã báo cáo UBCKNN tại văn bản số 307/CV-QHĐ ngày 02/07/2009
---	----------------	---------------	---

Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

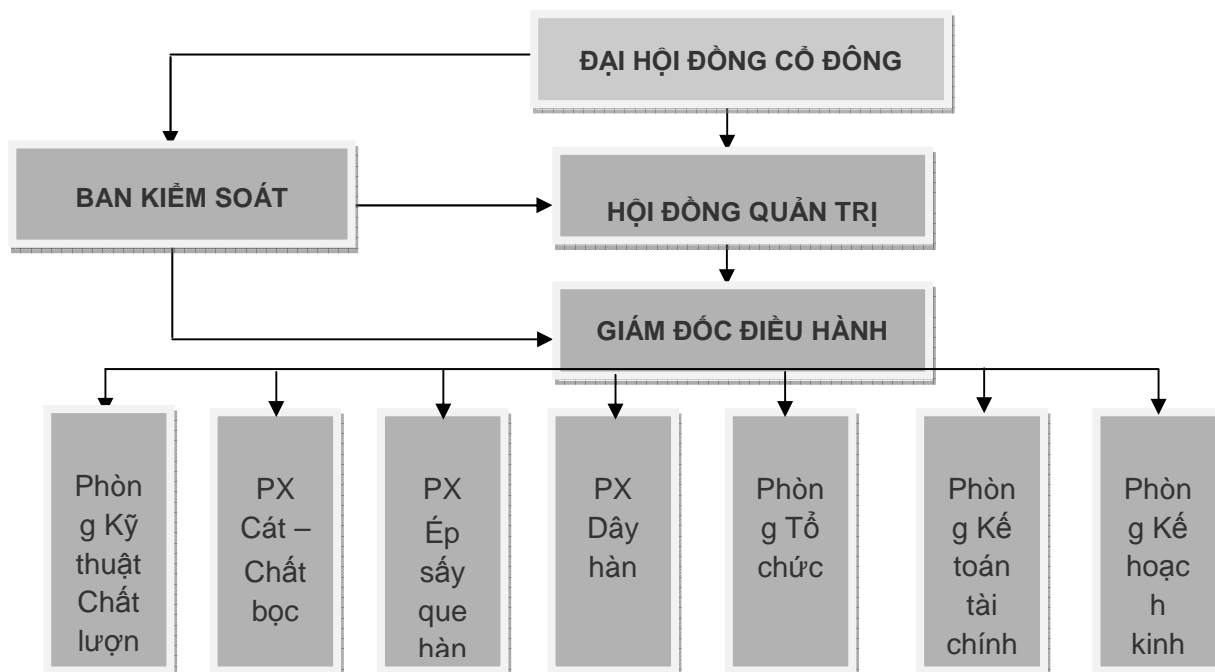
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

- ❖ Trụ sở chính: Phố Quán Gánh - Xã Nhị Khê - Huyện Thường Tín Hà Nội
- ❖ 02 nhà máy sản xuất:
 - Nhà máy sản xuất que hàn và dây hàn tại Quán Gánh – Nhị Khê – Thường Tín – Hà Nội
 - Nhà máy sản xuất tại Hải Dương. Nhà máy này dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong quý 1 năm 2010 với việc chuyển toàn bộ dây chuyền sản xuất dây hàn ở Thường Tín và đầu tư dây chuyền thiết bị đồng bộ của EU để nâng công suất dây hàn lên 6.000 tấn/năm. Công ty cũng có chủ trương phát triển thêm một số sản phẩm mới trong tương lai như sản xuất bột hàn, dây hàn lõi thuốc, dây tanh...

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- ❖ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có.
- ❖ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- ❖ Điều lệ Công ty cổ phần Que hàn điện Việt - Đức (Theo Điều lệ mẫu dành cho công ty niêm yết) được Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua ngày 10 tháng 10 năm 2009.

Hình 1: Sơ đồ bộ máy quản lý Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

(Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức)

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát...

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 5 thành viên:

- Ông Ngô Bá Việt - Chủ tịch
- Ông Phạm Văn Tư - Ủy viên
- Ông Bùi Hồng Sơn - Ủy viên
- Ông Đặng Trần Lương - Ủy viên
- Ông Trần Văn Sơn - Ủy viên

❖ Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Cơ cấu Ban Kiểm soát hiện tại như sau:

- Ông : Phạm Văn Chương - Trưởng Ban
- Bà : Thái Thị Hồng Loan - Ủy viên
- Ông : Lê Mạnh Hùng - Ủy viên

❖ Ban Giám đốc

Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc và các phó Giám đốc, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và có trách nhiệm triển khai các chương trình hành động và các nghị quyết của HĐQT trong năm kế hoạch, đồng thời điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

- Ông Ngô Bá Việt - Giám đốc
- Ông Bùi Hồng Sơn - Phó Giám đốc

❖ Các phòng, ban

Phòng Kỹ thuật chất lượng

- Nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm, nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới
- Quản lý kỹ thuật sản xuất, thiết bị máy móc, điện nước; quản lý kỹ thuật xây dựng cơ bản và đầu tư ; kỹ thuật an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.
- Quản lý chất lượng vật tư đầu vào, chất lượng bán thành phẩm và sản phẩm do công ty sản xuất.
- Gia công chế tạo phụ tùng phục vụ S/C; phối hợp thực hiện việc s/c các thiết bị máy móc cùng với thợ sửa chữa của các đơn vị khác.

Phân xưởng Cát – Chất bọc

- Tổ chức và thực hiện gia công thuốc bọc và cắt lõi que hàn, hoàn thành kế hoạch sản xuất được giao, đảm bảo đúng tiến độ, sử dụng đúng định mức về vật tư, phụ tùng năng lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn qui định.
- Sử dụng và bảo quản trang bị, thiết bị vật tư được giao để phục vụ cho việc thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất
- Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị máy móc của phân xưởng
- Thực hiện một số công việc khác do Giám đốc giao

Phân xưởng Ép sậy que hàn

- Tổ chức và thực hiện ép sậy gói các loại que hàn, hoàn thành kế hoạch sản xuất được giao, đảm bảo đúng tiến độ, sử dụng đúng định mức về vật tư, phụ tùng năng lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn qui định.

- Sử dụng và bảo quản trang bị, thiết bị vật tư được giao để phục vụ cho việc thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất
- Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị máy móc của phân xưởng
- Thực hiện một số công việc khác do Giám đốc giao

Phân xưởng dây hàn

- Kéo vuốt dây thép làm dây hàn, mạ cuộn thành phẩm dây hàn (dây hàn dưới lớp khí bảo vệ, dây hàn không mạ....)
- Kéo vuốt dây thép làm lõi que hàn điện
- Hoà tan, cô đặc Silicát ở dạng cục thành dung dịch Silicát để sản xuất que hàn.
- Tổ chức và thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất được giao, đảm bảo đúng tiến độ, sử dụng đúng định mức về vật tư, phụ tùng năng lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn qui định.
- Sử dụng và bảo quản trang bị, thiết bị vật tư được giao để phục vụ cho việc thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất
- Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị máy móc của phân xưởng
- Thực hiện một số công việc khác do Giám đốc giao

Phòng Kế hoạch kinh doanh

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh; mua vật tư, bảo quản cấp phát vật tư cho sản xuất, kinh doanh, sửa chữa và XDCB; bảo quản và xuất kho các sản phẩm cho công ty sản xuất.
- Bán các sản phẩm của công ty tại thị trường trong nước và nước ngoài.
- Kinh doanh các mặt hàng khác do công ty giao cho.

Phòng tổ chức nhân sự :

Giúp giám đốc quản lý về tổ chức nhân sự, đào tạo, lao động tiền lương, hành chính quản trị và các chế độ đối với người lao động:

- Triển khai, phổ biến các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động thực hiện trong Công ty
- Lập các kế hoạch về lao động tiền lương, đào tạo, qui hoạch cán bộ, nhu cầu tuyển dụng lao động, bảo hộ lao động, bảo hộ lao động cho từng năm, chi phí hành chính.
- Xây dựng các định mức lao động, đơn giá sản phẩm, qui chế trả lương và phân phối thu nhập .
- Làm các công việc khác liên quan đến công tác hành chính quản trị

Phòng kế toán tài chính:

- Giúp Giám đốc về quản lý tài chính kế toán của công ty

- Đề xuất tổ chức bộ máy kế toán, thống kê phù hợp loại hình sản xuất, qui trình sản xuất của công ty.
- Tham gia nghiên cứu xây dựng phương án sản phẩm, cải tiến quản lý kinh doanh
- Giúp giám đốc kiểm tra kiểm soát kinh tế tài chính trong công ty.
- Phổ biến và hướng dẫn thi hành các chính sách, chế độ liên quan tới công tác kế toán, tài chính và thống kê.
- Đề xuất và biên soạn các qui chế quản lý nội bộ có liên quan trình Giám đốc ban hành
- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty để lập kế hoạch thu chi tài chính, kế hoạch tín dụng tháng, quý, năm.
- Có biện pháp quản lý các loại vốn, sử dụng hợp lý nhằm phục vụ kịp thời cho SXKD đạt hiệu quả cao nhất, quay vòng vốn nhanh nhất, bảo toàn và phát triển vốn được giao.
- Tham gia thảo luận, ký kết các hợp đồng kinh tế, theo dõi quá trình thực hiện bảo đảm thanh quyết toán kịp thời
- Theo dõi, rà soát công nợ của công ty với bên ngoài và giữa bên ngoài với công ty cung cấp kịp thời cho phòng Kế hoạch-Kinh doanh về số nợ của người mua đã quá hạn để có biện pháp thu hồi nợ.
- Giúp Giám đốc tổ chức phân tích hoạt động kinh tế của công ty theo định kỳ quý, năm
- Thực hiện các công tác kế toán theo đúng qui định của Nhà nước

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty thời điểm 30 tháng 10 năm 2009

TT	Cổ đông	CMND/GĐK KD	Số cổ phần (Cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam	0106000836	548.452	5.484.520.000	20,00
2	Phạm Văn Tư	030698904	208.376	2.083.760.000	7,60
3	Ngô Bá Việt	012618687	494.954	4.949.540.000	18,05

Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 số 0303000133 cấp ngày 19 tháng 6 năm 2009, cổ đông sáng lập của Công ty bao gồm:

STT	Danh sách cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (Đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước - Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam	Số 1A Tràng Tiền, Hà Nội	548.452	5.484.520.000	20
	Ông Ngô Bá Việt là đại diện chủ sở hữu vốn	Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội	411.339	4.113.390.000	15
	Ông Bùi Hồng Sơn là đại diện chủ sở hữu vốn	Phường Nam Đồng, Quận Đống Đ, thành phố Hà Nội	137.113	1.371.130.000	5
2	Các cổ đông khác		2.193.818	21.938.180.000	80

Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

- ❖ Khoản 5, Điều 84, Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 quy định: Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông

sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

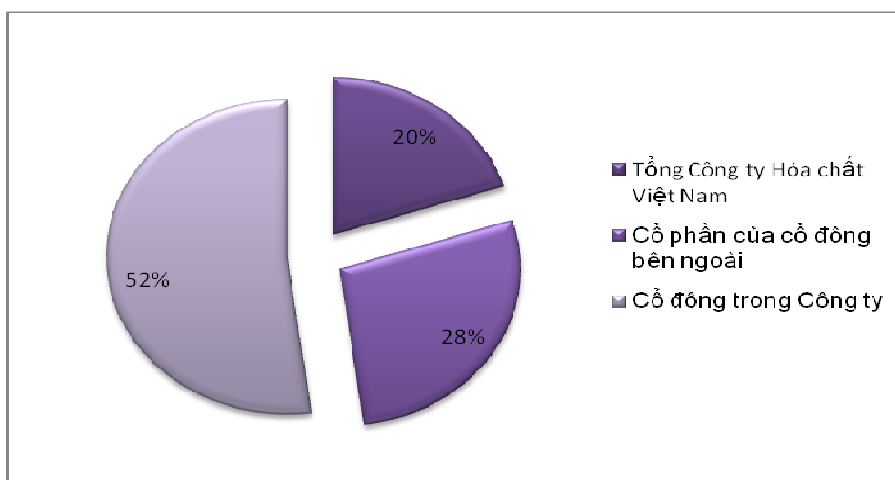
- ❖ Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2003. Như vậy, mọi hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã được bãi bỏ.

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/10/2009

Chỉ tiêu	Số lượng Cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam	548.452	5.484.520.000	20
Cổ phần của cổ đông bên ngoài	763.998	7.639.980.000	27,9
Cổ đông trong Công ty	1.429.820	14.298.200.000	52,1
Tổng số cổ phần	2.742.270	27.422.700.000	100
Tổ chức			
- Trong nước	548.452	5.484.520.000	20
- Nước ngoài			
Cá nhân			
- Trong nước	2.193.818	21.938.180.000	80
- Nước ngoài			
Tổng số cổ phần	2.742.270	27.422.700.000	100

Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

Hình 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30 tháng 10 năm 2009



(Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức)

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết:

Không

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm chính của Công ty

Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức sản xuất các loại vật liệu hàn bao gồm các nhóm sản phẩm chủ yếu là dây hàn, que hàn.

- ❖ Nhóm sản phẩm dây hàn bao gồm:
 - Dây hàn dưới lớp khí bảo vệ (CO₂);
 - Dây hàn dưới lớp thuốc trợ rung.
- ❖ Nhóm sản phẩm que hàn bao gồm:
 - Que hàn thép Cacbon thấp và hợp kim thấp, dùng hàn thép có độ bền trung bình như N38 – VD, N42 – VD, N45 – VD, N46 – VD, J421 – VD, VD – 6013;
 - Que hàn thép Cacbon thấp và hợp kim thấp, dùng hàn thép có độ bền và độ dẻo cao như N50 - 6B, N55 - 6B, E7016 –VD, E7018 – VD;
 - Que hàn đắp phục hồi bề mặt như DCr60, DCr250, DMn350, Dmn - 13B, HX5;
 - Các loại que hàn đặc biệt như Que Inox N - 308R, Que Đồng Hm - Cu, Que Gang GG33, Que sắt C5.

Sản phẩm của Công ty phục vụ cho ngành đóng tàu, lắp máy, sản xuất sửa chữa ô tô, xây dựng dân dụng...

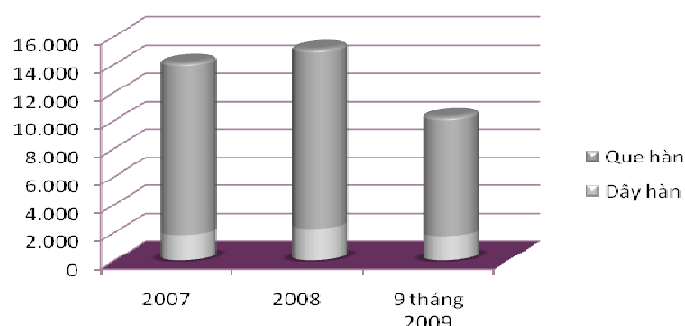
Bảng 5: Sản lượng sản xuất và tiêu thụ

ĐVT: Tấn

STT	Sản phẩm	2007		2008		9 tháng đầu năm 2009	
		Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất
1	Dây hàn	1.808,2	1.804,5	2.271,0	2.367,5	1.730	1.708
2	Que hàn	12.294,5	12.271,2	12.810,5	12.618,3	8.516	8.321
	Tổng số	14.102,7	14.075,7	15.081,5	14.985,8	10.246	10.029

Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

Hình 3: Sản lượng tiêu thụ sản phẩm (tấn)



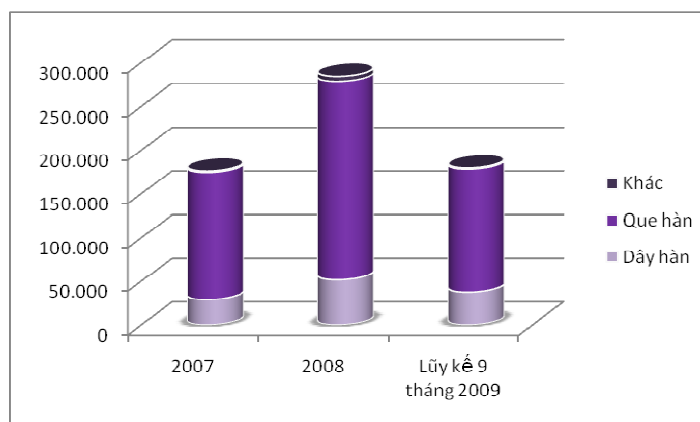
(Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức)

Bảng 6: Tỷ trọng doanh thu của các sản phẩm trong tổng doanh thu

Sản phẩm	2007		Năm 2008		9 tháng đầu năm 2009	
	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Dây hàn	28.804	16,4	51.823	18,2	37.430	20,8
Que hàn	145.689	82,7	226.830	79,8	140.943	78,4
Doanh thu khác	1.602	0,9	5.670	2	1.386	0,8
Tổng số	176.095	100	284.323	100	179.759	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức

Hình 4: Tỷ trọng doanh thu năm 2007 – 9 tháng năm 2009



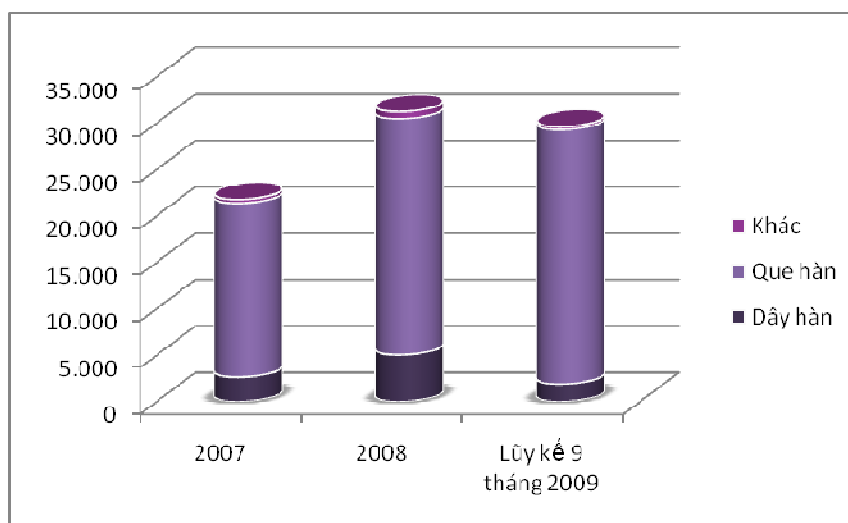
Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức)

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo sản phẩm

Sản phẩm	2007		Năm 2008		9 tháng đầu năm 2009	
	Lợi nhuận (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Que hàn	18.717	85.9	25.430	81.5	27.404	92.5
Dây hàn	2.649	12,2	5.040	16,1	1.896	6.4
Khác	411	1.9	760	2.4	305	1.1
Tổng cộng	21.777	100	31.230	100	29.605	100

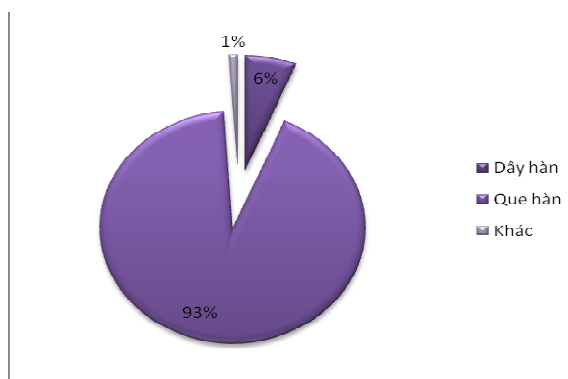
Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

Hình 5: Lợi nhuận phân theo sản phẩm (Triệu đồng)



(Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức)

Hình 6: Cơ cấu lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2009



(Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức)

6.2 Nguyên liệu

Nguyên liệu

Nguyên vật liệu phục vụ sản xuất bao gồm thép, hóa chất làm vỏ bọc như Fero mangan, Rutin, Mica, huỳnh thạch.... Các loại nguyên vật liệu chính chiếm khoảng 75% giá trị sản phẩm như lõi thép, Fero mangan trong nước chưa sản xuất được mà phải nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc.

Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao trong giá thành sản phẩm nên sự biến động của giá nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Bảng 8: Danh mục các nhà cung cấp nguyên vật liệu

STT	Nhà cung cấp	Nguyên vật liệu cung cấp
1	Công ty CP tập đoàn đầu tư Long Hải	Dây thép làm que hàn, dây thép làm dây hàn, Fero mangan
2	Công ty CP hoá chất	Dây thép làm que hàn, Fero mangan
3	Công ty CP hoá chất BTM	Fero mangan
4	Công ty CP tư vấn đầu tư và kiểm định xây dựng	Rutin, Mica, huỳnh thạch...

Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

Sự ổn định của các nguồn cung cấp này và ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:

Công ty chủ yếu mua nguyên vật liệu qua các tổ chức kinh doanh thương mại. Đây là những đối tác có quan hệ kinh doanh lâu năm và uy tín nên Công ty chưa gặp tình trạng thiếu nguyên vật liệu hay lỗi nhịp làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, nguồn nguyên vật liệu cung cấp cho Công ty chủ yếu được nhập khẩu từ Trung Quốc. Giá nguồn nguyên vật liệu lại phụ thuộc vào biến động giá cả nguyên vật liệu trên thế giới, chính sách tỷ giá của Việt Nam và chính sách tiền tệ của nước sở tại. Trong thời gian qua, với chủ trương giữ giá đồng Nhân dân tệ, Trung Quốc đã có nhiều chính sách bảo hộ hàng xuất, nhập khẩu như hoàn thuế nhập khẩu, hỗ trợ xuất khẩu... Tuy nhiên, những chính sách này lại thường xuyên thay đổi và khó đoán trước nên đã gây khó khăn cho công tác dự báo của Công ty.

Trong năm 2008, giá cả nguyên vật liệu tăng mạnh, tỷ giá biến động thất thường nhất là từ nửa cuối năm 2008 đã làm cho giá nguyên vật liệu đầu vào của Công ty tăng mạnh, cụ thể trung bình giá thép làm que hàn và dây hàn tăng gần 60% so với năm 2007, giá fero mangan tăng trên 70%, đây là yếu tố chính làm cho giá vốn/đơn vị sản phẩm trong năm 2008 tăng khoảng 50%. Công ty đã phải tăng giá bán sản phẩm, tuy nhiên giá bán của sản phẩm không thể điều chỉnh tăng ngay bằng giá thành sản xuất nên tỷ suất lợi nhuận/doanh thu của Công ty đã giảm từ 12,3% năm 2007 xuống còn 10,9% trong năm 2008. Bước sang năm 2009, do những ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, giá nguyên vật liệu đã có xu hướng giảm

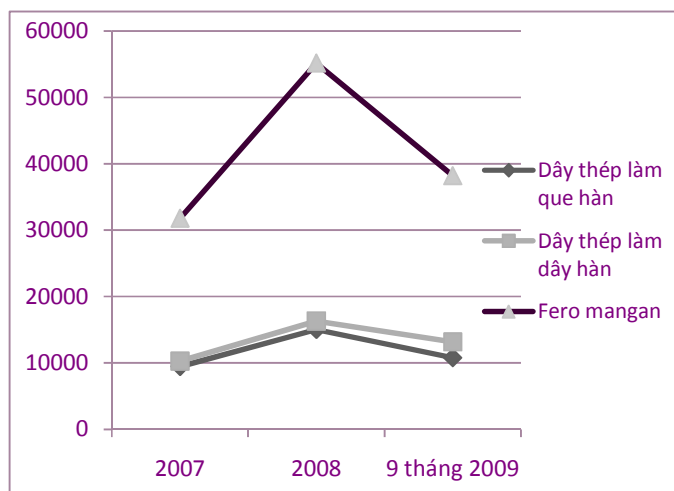
dẫn và giảm mạnh nhất là vào thời điểm đầu năm 2009. Giá thép làm que hàn và dây hàn đã giảm tương ứng khoảng 28% và 19%. Tại thời kỳ thấp điểm của giá nguyên vật liệu, Công ty đã mua được khối lượng lớn nguyên vật liệu dự trữ cho hoạt động sản xuất, đây là nguyên nhân khiến cho lợi nhuận của Công ty trong 9 tháng năm 2009 đạt kết quả cao bằng 130% so với năm 2008.

Bảng 9: Giá nguyên vật liệu bình quân năm 2007, 2008 và 9 tháng năm 2009

TT	Nguyên liệu	Đơn vị	2007	2008	9 tháng đầu năm 2009
1	Dây thép làm que hàn	Kg	9.439	15.011	10.763
2	Dây thép làm dây hàn	Kg	10.275	16.312	13.179
3	Fero mangan	Kg	31.802	55.169	38.229

Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

Hình: 7 Giá nguyên vật liệu bình quân năm 2007, 2008 và 9 tháng năm 2009 (đồng/kg)



(Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức)

6.3 Chi phí sản xuất**Bảng 10:** Cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty

STT	Yếu tố chi phí	Năm 2007		Năm 2008		9 tháng đầu năm 2009	
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ
1	Giá vốn hàng bán	153.831	93,0%	250.658	94,0%	148.507	94,4%
2	Chi phí tài chính	945	0,6%	2.738	1,0%	834	0,5%
3	Chi phí bán hàng	5.305	3,2%	7.780	2,9%	4.190	2,7%
4	Chi phí QLDN	5.242	3,2%	5.393	2,0%	3.860	2,5%
Tổng cộng		165.323	100%	266.569	100%	157.391	100%

Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí trên bình quân hằng 93-94% trong giai đoạn năm 2007 – 9 tháng năm 2009. Năm 2008, tổng chi phí giá vốn tăng đột biến so với năm 2007 do sản lượng sản xuất tăng 6,4% so với năm 2007 và giá vốn/đơn vị sản phẩm tăng 50% (vì giá cả nguyên vật liệu tăng đột biến so với năm 2007, cụ thể giá thép tăng khoảng 60%, giá Fero mangan trên 70%).

Tổng chi phí tài chính năm 2008 cũng tăng đột biến so với năm 2007 do tổng tiền vay ngắn hạn, dài hạn của Công ty tăng 2,4 lần từ 13,751 tỷ đồng trong năm 2007 lên 47,011 tỷ đồng trong năm 2008. Mặt khác trong năm 2008, lãi suất biến động thất thường và tăng mạnh trong giai đoạn cuối năm 2008 đã làm cho chi phí tài chính của Công ty tăng đột biến.

Để đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm trong điều kiện nền kinh tế khó khăn, chi phí bán hàng trong năm 2008 cũng tăng đáng kể so với năm 2007, tăng 46%. Chi phí quản lý doanh nghiệp ở mức ổn định. Nhìn chung, do việc tăng cường sản xuất sản phẩm và do những biến động của giá cả nguyên vật liệu, lãi suất, tỷ giá... chi phí sản xuất trong năm 2008 đã tăng 59% so với năm 2007.

Những tháng đầu năm 2009, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế nên giá nguyên vật liệu đầu vào ở mức thấp chỉ tương đương giá năm 2007 nhưng đã có xu hướng tăng trở lại khi nền kinh tế có những dấu hiệu phục hồi. 9 tháng đầu năm 2009, chi phí sản xuất của Công ty giữ ở mức ổn định.

Theo đánh giá của Công ty, chi phí sản xuất của Công ty ở mức thấp, đặc biệt là giá thành sản xuất sản phẩm do máy móc thiết bị phần lớn đã được khấu hao gần hết. Mặt khác, do có kinh nghiệm lâu năm và ưu thế về công nghệ nên Công ty cũng tiết kiệm được thời gian sản xuất, hạn chế tối đa những hao hụt trong quá trình sản xuất sản phẩm.

6.4 Hệ thống phân phối

Việc tiêu thụ sản phẩm được Công ty tiến hành qua 03 kênh phân phối bao gồm: Bán hàng qua đại lý, bán trực tiếp cho khách hàng, bán sỉ và bán lẻ (tại Công ty). Các đại lý được phân bổ khắp toàn quốc từ Bắc tới Nam: Sơn La, Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa, Vinh, Huế, Đà Nẵng cho đến Tây Nguyên, Tp Hồ Chí Minh...

6.5 Hoạt động marketing và tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

Công ty tích cực hoạt động marketing để phát huy tối đa hiệu quả trong kinh doanh, thường xuyên nghiên cứu nhu cầu thị trường để đổi mới công nghệ và sản xuất sản phẩm đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng.

Hiện nay tại Việt Nam do công nghệ hàn chưa phát triển nên người tiêu dùng vẫn chủ yếu sử dụng que hàn (chiếm khoảng 70%), dây hàn chỉ chiếm 30%, điều này trái ngược với thế giới. Tuy nhiên, theo dự báo của Công ty, trong tương lai xu hướng sẽ chuyển dịch mạnh sang sử dụng dây hàn. Để đón đầu xu thế này, Công ty đã chủ động đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất dây hàn tại Hải Dương và chuyển toàn bộ việc sản xuất dây hàn hiện ở Công ty về nhà máy này với tổng công suất đạt khoảng 6.000 tấn/năm.

Ngoài ra, trong tương lai, về vật liệu hàn, Công ty có dự định sản xuất dây hàn lõi thuốc, bột hàn (hiện nay Công ty đang kinh doanh thương mại) và sản xuất dây tanh là sản phẩm gắn liền với việc sản xuất sấm lốp ô tô.

6.6 Trình độ công nghệ

Được thành lập và hoạt động sự hỗ trợ của Cộng hòa dân chủ Đức từ năm 1967, Công ty được ứng dụng những công nghệ và hệ thống máy móc thiết bị hiện đại của Đức. Bên cạnh đó, ngay từ khi thành lập, Công ty đã chú trọng việc đào tạo đội ngũ chuyên gia một cách bài bản để nghiên cứu và ứng dụng những công nghệ tiên tiến của Đức và trên thế giới áp dụng cho thị trường trong nước. Đây là thế mạnh lớn của Công ty so với các đơn vị khác.

Hệ thống máy móc thiết bị dây chuyền của Công ty được phân chia theo cơ cấu nhóm sản phẩm, cụ thể:

Thiết bị sản xuất que hàn:

06 dây chuyền sản xuất que hàn bán tự động do Cộng hòa dân chủ Đức sản xuất với thể hệ thiết bị thuộc thập kỷ 60 với công suất thiết kế 7.200 tấn/năm. Do được sử dụng từ năm 1972, những dây chuyền này đã được Công ty thường xuyên bảo dưỡng sửa chữa và thay mới các chi tiết máy để nâng cao tính năng hoạt động phù hợp yêu cầu thực tế. Do vậy, đến thời điểm hiện nay công suất sản xuất que hàn có thể lên tới 14.000 tấn/năm.

Thiết bị sản xuất dây hàn:

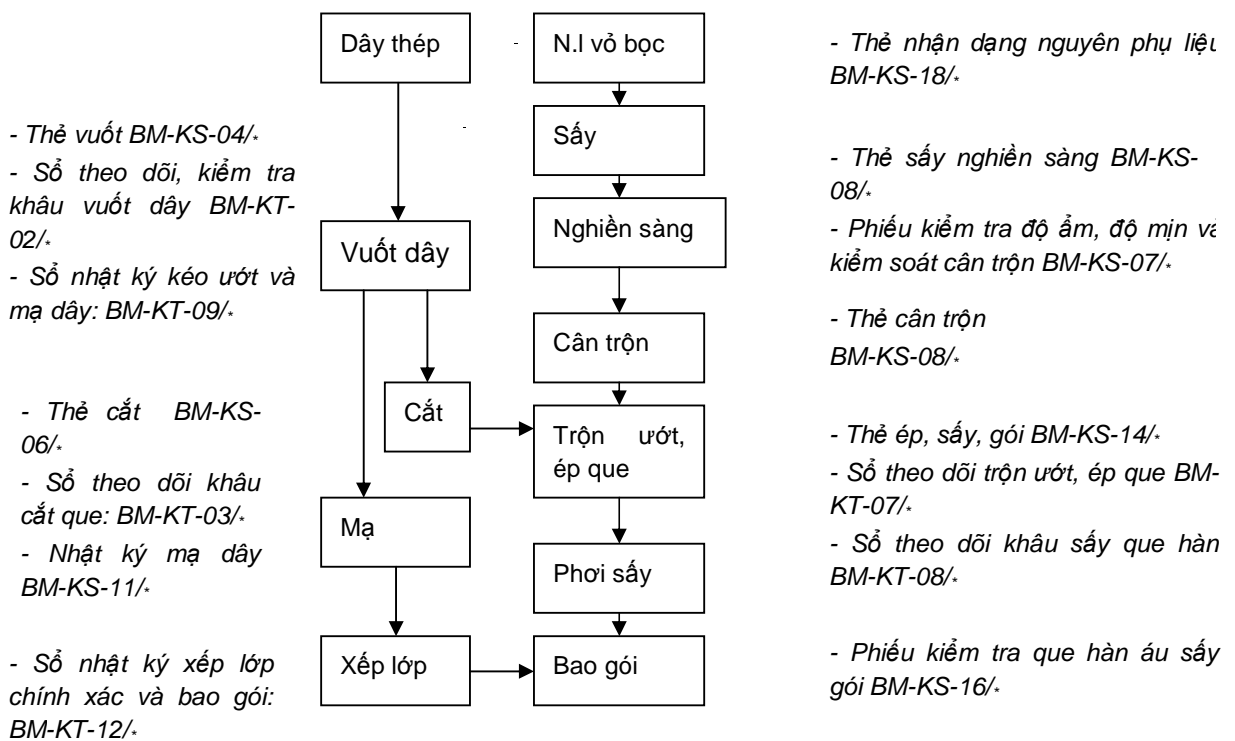
Dây chuyền sản xuất dây hàn tự động của Italia năm 2003

Hiện nay, hệ thống máy móc thiết bị của Công ty đã được khấu hao gần hết tạo nên lợi thế cạnh tranh lớn về giá trên thị trường. Việc đánh giá về trình độ công nghệ của Công ty được nhìn nhận trên hai khía cạnh:

Thứ nhất là về máy móc thiết bị và dây chuyền sản xuất, hiện nay hệ thống máy móc thiết bị và dây chuyền vẫn vận hành tốt. Theo đánh giá của Công ty, mặc dù thuộc thế hệ của những năm 60 nhưng cho đến nay hệ thống máy móc, dây chuyền của Công ty vẫn sản xuất ra sản phẩm được thị trường sử dụng và có hiệu quả tốt hơn so với máy móc thuộc thế hệ mới đây. Hơn nữa, hàng năm Công ty thường xuyên bảo dưỡng hoặc thay thế các chi tiết chính xác nhằm nâng cao tuổi thọ cũng như tăng tính linh hoạt cho hệ thống máy móc thiết bị, ước tính mỗi năm chi phí cho việc này khoảng 1 tỷ đồng.

Thứ 2 về công nghệ và kỹ thuật pha trộn thuốc, đây là thế mạnh lớn của Công ty so với các doanh nghiệp khác (Công ty giữ vị trí độc quyền trong việc sản xuất que hàn N46 và là đơn vị duy nhất tự sản xuất được vỏ bọc) do Công ty đã trải qua trên 40 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu hàn; đội ngũ kỹ sư hóa học được đào tạo bài bản bởi các chuyên gia của Đức và nhiều nước khác. Các chương trình đào tạo được tổ chức hàng năm nhằm học hỏi cũng như phát minh ra những công thức pha chế mới ưu việt hơn và đáp ứng được yêu cầu ngày càng thay đổi của công nghệ hàn.

Hình 6: Quy trình sản xuất sản phẩm



(Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức)

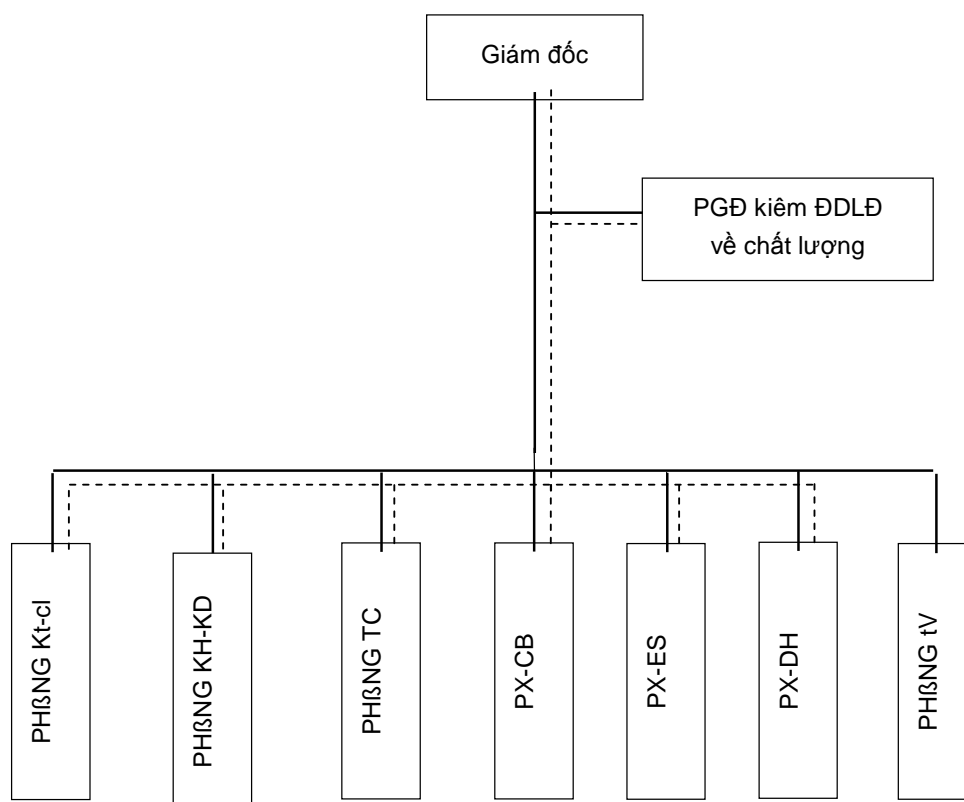
6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Hệ thống quản lý chất lượng

Công ty cổ phần que hàn điện Việt Đức xây dựng hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 nhằm hiểu rõ yêu cầu của khách hàng đồng thời xác định khả năng đáp ứng để nâng cao sự thoả mãn của khách hàng thông qua khả năng cung cấp ổn định các sản phẩm của mình (có xét đến các yêu cầu chế định và pháp luật liên quan đến sản phẩm).

HTQLCL được áp dụng trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp các loại sản phẩm vật liệu hàn.

Hình 7: Sơ đồ tổ chức kiểm tra chất lượng sản phẩm



(Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức)

Ghi chú:

- Nét liền _____ : Sơ đồ tổ chức hành chính
- Nét đứt : Sơ đồ tổ chức về HTQLCL

Bộ phận kiểm tra chất lượng

Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty được xây dựng chặt chẽ từ khâu đầu vào, bán thành phẩm và thành phẩm đầu ra.

Ban đầu, nguyên vật liệu đầu vào dùng cho sản xuất được bộ phận KCS lấy mẫu xác suất, đem đối chiếu với hợp đồng mua hàng, các bản vẽ liên quan (nếu có); chuyển mẫu lên phòng hoá nghiệm (đối với mẫu cần phân tích thành phần hoá). Các mẫu sau khi được kiểm tra thoả mãn các chỉ tiêu được đánh dấu nhận biết và lưu kho.

Khi nguyên vật liệu được đưa vào sản xuất thì chính công nhân là một khâu kiểm tra chất lượng sản phẩm của khâu mình làm ra. Sau đó KCS kiểm tra xác suất, nếu có một chỉ tiêu không đạt nằm ngoài giá trị cho phép theo các quy trình liên quan sẽ bị treo thẻ nhận dạng và chuyển về dạng sản phẩm không phù hợp chờ xử lý. Chỉ những bán thành phẩm đạt trong quá trình mới được xuất sang khâu sau.

Đến công đoạn bao gói cuối cùng, KCS kiểm tra tổng quát một lần cuối bằng cách lấy mẫu thành phẩm theo xác suất và kiểm tra các chỉ tiêu khác như cơ lý, phân tích hoá học mỗi hàn. Đây là khâu quan trọng trong quá trình nên phòng thí nghiệm của công ty đã được trang bị đầy đủ trang thiết bị cùng như con người để thực hiện công việc này. Nhiều năm qua, Phòng thí nghiệm của công ty được công nhận là phòng hợp chuẩn theo yêu cầu của Cục Đăng Kiểm Việt Nam, các đơn vị khác thường xuyên phải đến thuê thử nghiệm tại đây với các yêu cầu khắt khe của Đăng kiểm Việt Nam cũng như các Đăng kiểm quốc tế.

6.8 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền

Công ty đã đăng ký nhân hiệu hàng hóa theo giấy chứng nhận số 51833 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 31/12/2003, với logo dưới đây:



6.9 Các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm

Bảng 11: Các hợp đồng lớn tiêu thụ sản phẩm đã được Công ty thực hiện hoặc đã được ký kết trong năm 2008 – 2009

TT	Đối tác	Nội dung HĐ	Thời gian thực hiện hợp đồng	Ghi chú	
1	CN Cty CP đầu tư và xây dựng – CH dịch vụ TM số 4 - Hải phòng	Mua bán vật liệu hàn -	02/01/2008 31/12/2008	đến	Đã hoàn thành
2	Công ty vật tư vận tải và xếp dỡ Quảng Ninh	Mua bán vật liệu hàn	02/01/2008 31/12/2008	đến	Đã hoàn thành
3	Cty CP XNK công nghiệp tàu thủy bạch Đằng	Mua bán vật liệu hàn	4/1/2008 31/12/2008	đến	Đã hoàn thành
4	Cty TNHH thương mại Lan Đăng	Mua bán vật liệu hàn	2/1/2009 31/12/2009	đến	Đang thực hiện

5	Cty cơ khí đóng tàu TKV	Mua bán vật liệu hàn	1/1/2009 31/12/2009	đến	Đang thực hiện
6	CN Cty CP đầu tư và xây dựng – CH dịch vụ TM số 4 - Hải phòng	Mua bán vật liệu hàn -	02/01/2009 31/12/2009	đến	Đang thực hiện

Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2007- 9 năm 2009

7.1 Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2007- 9 tháng năm 2009

Bảng 12: Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	2007	Năm 2008	Tăng/giảm so với năm 2007	9 tháng đầu năm 2009
1	Tổng giá trị tài sản	70.068.516.545	75.541.235.328	7,8%	94.433.558.596
2	Doanh thu thuần	175.607.773.098	281.888.482.712	60,5%	178.112.967.418
3	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	10.333.507.920	15.413.430.967	49,2%	20.917.956.972
4	Lợi nhuận khác	1.233.886.205	672.315.837	-45,5%	79.917.747
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.567.394.125	16.085.746.804	39,1%	20.997.874.719
6	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.619.435.176	4.056.299.161	150,5%	5.249.468.680
7	Lợi nhuận sau thuế	9.947.958.949	12.029.447.643	20,9%	15.748.406.039
8	Tỷ lệ cổ tức	56%	46,7%	-9,3%	n/a

Ghi chú:

(1) Thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Năm 2007, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp theo ưu đãi về cổ phần hóa.

- Theo Nghị quyết số 30/2008/NQQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế duy trì tăng trưởng tế, bảo đảm an sinh xã hội, Quý IV Năm 2008 và năm 2009, Công ty được miễn giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, đơn vị kiểm toán đã trừ khoản thuế được miễn này ra khỏi khoản **Chi phí thuế thu nhập hiện hành**. Trong báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2009, Công ty chưa tính khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn này vào lợi nhuận sau thuế. Như vậy, lợi nhuận sau thuế của Công ty 9 tháng đầu năm 2009 sẽ được cộng thêm **30%*5.249.468.680 đồng = 1.574.840.076 đồng**.

(2) Tỷ lệ cổ tức

9 tháng đầu năm 2009, Công ty chưa chi trả cổ tức. Tuy nhiên, HĐQT Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức năm 2009 trong tháng 10/2009 là 35% bằng tiền mặt.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

7.2.1 Khó khăn

- ❖ Giá xăng, dầu, điện, nguyên nhiên, liệu đầu vào tăng cao (đặc biệt giá là giá thép sản xuất dây hàn, que hàn tăng gần 60%, giá fero mangan tăng trên 70%) làm tăng chi phí giá vốn/1 đơn vị sản phẩm trong khi giá bán sản phẩm chưa thể điều chỉnh tăng tương ứng đã làm cho tỷ suất lợi nhuận biên giảm từ 12,3% năm 2007 xuống còn 10,9% trong năm 2008.
- ❖ Công ty phải nhập khẩu 100% lõi que và FeMn, hai loại nguyên vật liệu chính dùng để sản xuất vật liệu hàn và chiếm tới 70% giá trị sản phẩm của Công ty. Vì thế, biến động của tỷ giá ngoại tệ và chính sách thuế của các nước xuất khẩu có tác động lớn và trực tiếp đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- ❖ Năm 2008 lãi suất biến động bất thường gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Hơn thế nữa, khủng hoảng kinh tế thế giới làm tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế chậm lại ảnh hưởng đến sức tiêu thụ hàng hóa nói chung và sản phẩm của Công ty nói riêng do các ngành công nghiệp tiêu thụ sản phẩm của Công ty bị ảnh hưởng lớn đặc biệt là ngành đóng tàu.

7.2.2 Thuận lợi

- ❖ Công ty có thời gian hoạt động sản xuất lâu dài và được trang bị đầy đủ máy móc thiết bị và kỹ thuật, công nghệ của Đức. Đội ngũ chuyên gia kỹ thuật được đào tạo bài bản, có phòng thí nghiệm độc lập.
- ❖ Thế mạnh của Công ty là Doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam tự sản xuất được vỏ bọc nên chủ động được trong quá trình sản xuất.
- ❖ Công ty là đơn vị duy nhất tại Việt Nam sản xuất que hàn N46 đòi hỏi chất lượng tốt và yêu cầu công nghệ cao.
- ❖ Công ty đã có những quyết sách đầu tư hợp lý tạo được sản phẩm mới (Dây hàn C2) phù hợp với nhu cầu thị trường và đã góp phần tăng doanh thu, giảm chi phí cố định, tăng hiệu quả sản xuất và góp phần nâng cao vị thế trên thị trường.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty

Sản phẩm vật liệu hàn được sử dụng chủ yếu cho các ngành đóng tàu, xây dựng, khai thác mỏ, lắp máy, cơ khí ô tô và dân dụng. Theo thống kê và nhận định của Công ty, hiện nay trên thị trường có khoảng trên 10 doanh nghiệp sản xuất vật liệu hàn, nhu cầu sử dụng tại Việt Nam khoảng 45.000 tấn/năm que hàn và khoảng 15.000 tấn/năm đối với dây hàn việc cung cấp các sản phẩm hàn chủ yếu từ sản xuất nội địa. Trong năm 2008 Công ty tiêu thụ 12.810 tấn que hàn tương đương khoảng 28% thị phần và tiêu thụ khoảng 2.271 tấn dây hàn tương đương 15% thị phần (Căn cứ vào đánh giá của Công ty về nhu cầu của thị trường về vật liệu hàn).

Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức là đơn vị đầu tiên ở Việt Nam sản xuất que hàn với thời gian hoạt động trên 40 năm. Khi thành lập, Công ty được sự hỗ trợ lớn về công nghệ, máy móc thiết bị của Đức và được các chuyên gia Đức đào tạo bài bản về chuyên môn. Nhiều cán bộ, công nhân viên được từ những thế hệ đầu vẫn còn gắn bó với Công ty. Thương hiệu của Công ty đã được khẳng định và có uy tín trên thị trường. Do lợi thế về công nghệ nên Công ty chiếm độc quyền sản xuất que hàn N46 (chịu lực kéo 46N/cm²), sản phẩm này chiếm khoảng 70% sản lượng tiêu thụ của Công ty. Đối với các sản phẩm que hàn thông thường khác, Công ty chịu sự cạnh tranh bởi một số tên tuổi như: Vật liệu hàn Kim Tín, que hàn Hữu Nghị, que hàn Atlantic, que hàn Nam Hà Việt, que hàn Khánh Hội (nhà máy thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam).

Xét về giá thành sản phẩm, đối với que hàn N46 giá thành sản xuất của Công ty so với sản phẩm nhập khẩu (từ hãng Hyundai của Hàn Quốc) chỉ bằng khoảng 70% và giá thành đối với các que hàn thường chỉ bằng 80-90%. Có được lợi thế cạnh tranh về giá của các sản phẩm của Công ty là do máy móc thiết bị được đầu tư lâu nên phần lớn đã được trích khấu hao đầy đủ, đội ngũ công nhân kỹ thuật được đào tạo bài bản và có tay nghề cao nên tính hao hụt trong sản xuất được giảm thiểu tối đa; do sản xuất với khối lượng lớn nên giá mua nguyên vật liệu cũng được ưu tiên hơn so với các đơn vị khác...

Hiện nay, Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức là đơn vị dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất vật liệu hàn ở Việt Nam.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Chuyên sản xuất các sản phẩm vật liệu hàn nên có thể nói sản phẩm của Công ty đóng vai trò hết sức quan trọng đối với ngành công nghiệp nặng như đóng tàu, xây dựng, cơ khí ô tô, khai thác mỏ, lắp máy...

Năm 2008, khủng hoảng kinh tế diễn ra sâu rộng trên toàn cầu và ảnh hưởng lớn đến Việt Nam làm cho sức tiêu thụ hàng hóa nói chung giảm sút mạnh, tác động trực tiếp đến mọi ngành nghề kinh tế. Điều này cũng ảnh hưởng đến việc tăng trưởng của Công ty. Tuy nhiên, những chính sách kịp thời của Chính phủ đã có tác động tích cực đến nền kinh tế. Hoạt động sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề cũng đã được cải thiện.

Hiện nay, do công nghệ hàn ở Việt Nam chưa phát triển nên người tiêu dùng vẫn chủ yếu sử dụng que hàn như một loại vật liệu hàn chính (chiếm 70%), dây hàn chỉ chiếm khoảng 30%, trái ngược với thế giới. Tuy nhiên, theo đánh giá của Công ty, trong tương lai xu hướng sẽ dịch chuyển mạnh sang sử dụng dây hàn thay thế dần cho que hàn.

Để đón đầu cho sự phục hồi trở lại của nền kinh tế và đáp ứng nhu cầu lớn về dây hàn trong tương lai, Công ty đã đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất dây hàn tại Hải Dương và chuyển toàn bộ dây chuyền sản xuất dây hàn tại Thường Tín về, nâng công suất sản xuất dây hàn lên 6.000 tấn/năm. Dự kiến, nhà máy sẽ chính thức hoạt động trong năm 2010.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn tới 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2002 cũng đã khẳng định cơ khí là một trong những ngành công nghiệp nền tảng, có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế, củng cố an ninh, quốc phòng của đất nước. Mục tiêu phát triển của ngành cơ khí là: Ưu tiên phát triển một số chuyên ngành và sản phẩm cơ khí trọng điểm sau đây để đáp ứng về cơ bản nhu cầu của nền kinh tế quốc dân: Thiết bị toàn bộ, Máy động lực, Cơ khí phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, máy công cụ, cơ khí xây dựng, cơ khí đóng tàu thủy, thiết bị kỹ thuật điện - điện tử, cơ khí ô tô - cơ khí giao thông vận tải.

Với mục tiêu phát triển gắn liền với ngành công nghiệp nặng, từ khi thành lập cho đến nay, Công ty luôn chủ động cải tiến thay đổi công nghệ sản xuất và nghiên cứu các sản phẩm mới phù hợp với công nghệ hàn trong nước và trên thế giới.

Để mở rộng sản xuất và chuyển dịch theo xu hướng của thị trường cũng như trên thế giới, bên cạnh duy trì sản phẩm truyền thống là que hàn, Công ty đang triển khai đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất dây hàn tại Hải Dương với tổng công suất khoảng 6.000 tấn/năm và có dự định mở thêm nhà máy sản xuất dây hàn lõi thuốc trong tương lai.

Với chính sách phát triển Công nghiệp cơ khí, Công nghiệp đóng tàu và điện lực của Nhà nước trong giai đoạn từ nay đến 2020, Công ty đánh giá định hướng phát triển, chính sách đầu tư của mình là phù hợp.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Cơ cấu lao động trong Công ty

Bảng 13: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/9/2009

STT	Trình độ	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
1	Đại học và trên đại học	38	16
2	Cao đẳng	5	2
3	Trung cấp	24	10
4	Trình độ khác	172	72
Tổng		238	239

Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

9.2 Chính sách đối với người lao động

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo nhân lực và thực hiện chính sách thu hút lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp, cụ thể như sau:

9.2.1 Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: 6 ngày/tuần, buổi sáng: đối với nhóm trực tiếp từ 6h đến 10h; nhóm gián tiếp từ 7h đến 11h. Buổi chiều từ 12h30 đến 17h.

Nghỉ phép, lễ, Tết: Nhân viên công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của Nhà nước.

Nghỉ ốm, thai sản: Thời gian và chế độ được hưởng theo đúng qui định của Nhà nước.

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

9.2.2 Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Chính sách đào tạo và tuyển dụng của Công ty phải đảm bảo nguyên tắc tạo nguồn lực ổn định và lâu dài đảm bảo cân đối giữa gián tiếp và trực tiếp. Đối với CBCNV hiện có, Công ty chú trọng đào tạo tại chỗ kết hợp gửi đi đào tạo các lớp cấp tốc, ưu tiên lĩnh vực tài chính và thị trường. Đối với CBCNV tuyển dụng mới, khối gián tiếp tăng cường nhân sự có trình độ chuyên môn cao cho lĩnh vực nghiên cứu phát triển; đối với khối trực tiếp, Công ty chú trọng tuyển công nhân kỹ thuật có hiểu biết về cơ khí đã qua đào tạo và tiến hành đào tạo nội bộ.

9.2.3 Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

Được chi trả căn cứ thực tế đóng góp của từng người cho hiệu quả chung của công ty. Có quy chế cụ thể được công bố tới từng CBCNV.

10. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Năm 2006 Công ty trả cổ tức bằng tiền đạt 25% trên vốn điều lệ, năm 2007 Công ty trả cổ tức đạt 56% bằng cổ phiếu. Năm 2008, Công ty trả cổ tức bằng tiền mặt 40% và bằng cổ phiếu 6,7%. Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2009 bằng tiền 30%.

Việc chi trả cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu được căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu vốn cho SXKD của Công ty.

11. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

a. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao các loại tài sản như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc 10 - 20 năm
- Máy móc thiết bị 04-10 năm
- Phương tiện vận tải 10-12 năm
- Thiết bị văn phòng 3-6 năm

b. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của Công ty được cải thiện và tăng rõ rệt theo hiệu quả sản xuất kinh doanh. Mức lương bình quân năm 2006 là 2.868.000 đồng/người/tháng, năm 2007 trung bình 3.753.000 đồng/người/tháng; mức lương bình quân năm 2008 là 5.239.000 đồng/người/tháng.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay đến hạn.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế theo luật thuế quy định.

e. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo Điều lệ của Công ty, hàng năm, lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ. Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất và phải được ĐHĐCĐ.

Ngày 14/3/2009, ĐHĐCĐ thường niên đã thông qua việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2008 như sau:

Bảng 14: Phân phối lợi nhuận năm 2008

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (Đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế	11.581.737.699
2	Trích quỹ dự phòng tài chính	600.000.000
3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	300.000.000

		10.681.000.000
4	Trả cổ tức, trong đó:	
	<ul style="list-style-type: none"> • 8.556.120.000 đồng tương đương 40% bằng tiền mặt • 1.433.350.000 đồng tương đương 6,7% bằng cổ phiếu 	
<p>Nguồn: Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2009 Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức, báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2009</p>		

f. Tổng dư nợ vay

Bảng 15: Vay và nợ ngắn hạn thời điểm 30/9/2009

TT	Đối tượng	Số dư	Lãi suất	Thời hạn	Mục đích vay
I Vay ngắn hạn					
1	Nợ dài hạn đến hạn trả: Ngân hàng TM CP công thương VN CN Hà Tây (VND)	150.000.000	18%	31/12/2009	Mua thiết bị SX dây hàn
2	Vay ngắn hạn ngân hàng TM CP công thương Việt nam CN Hà Tây	19.224.635.753			
	USD	625.870.412	3.5%/năm	20/10/2009	Mua nguyên liệu
	VND	2.947.173.358	10%/năm	22/10/2009	Mua nguyên liệu
	VND	6.828.788.823	10%/năm	6/11/2009	Mua nguyên liệu
	VND	4.082.176.160	10%/năm	11/12/2009	Mua nguyên liệu
	VND	4.740.627.000	10%/năm	29/12/2009	Mua nguyên liệu
II Vay và nợ dài hạn					
1	Ngân hàng công thương Hà tây (VND)	398.472.000	18%/năm	2010	
Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức					

Kế hoạch trả nợ vay ngân hàng:

- ❖ Vay dài hạn: Trả lãi và gốc theo tháng
- ❖ Vay ngắn hạn: lãi suất trả theo tháng, nợ gốc trả không quá 3 tháng kể từ thời điểm vay.

g. Tình hình công nợ hiện nay:

Bảng 16: Các khoản phải thu

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	30/9/2009
Phải thu từ khách hàng	29.094.298.109	28.762.745.500	33.183.378.322
Trả trước cho người bán	2.991.707.849	230.010.816	10.853.053.072
Các khoản phải thu khác	1.099.329.274	66.289.457	96.579.720
Dự phòng phải thu khó đòi	(602.829.600)	(1.822.806.925)	(1.800.635.125)
Tổng cộng	32.582.505.632	27.236.238.848	42.332.375.989

Nguồn: Báo cáo kiểm toán Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức giai đoạn 2007-2008 và Báo cáo tài chính Công ty thời điểm 30/9/2009

Ghi chú:

Phải thu từ khách hàng

Phần lớn khoản phải thu của Công ty là từ các tổ chức (chiếm khoảng 70%). Tại thời điểm 30/9/2009, các khoản phải thu của Công ty tăng 15,3% so với năm 2008 là do giai đoạn này, hạn mức tín dụng của các ngân hàng đã đạt mức tối đa quy định, các khoản tín dụng cho vay bị hạn chế dẫn đến nguồn vốn kinh doanh của các tổ chức là khách hàng của Công ty cũng bị thu hẹp, làm gia tăng nợ phải thu của Công ty. Tuy nhiên, khi bước sang giai đoạn đầu năm thì những hạn chế về tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng được cải thiện thì số dư nợ phải thu của Công ty sẽ có thể giảm về mức ổn định.

Hàng năm, Công ty đều tiến hành đánh giá các khoản phải thu và tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi đầy đủ theo đúng quy định của Bộ tài chính. Đến thời điểm 30/9/2009 số dự phòng đã trích lập là 1,8 tỷ đồng. Theo đánh giá của Công ty, trong số 33,1 tỷ đồng khoản phải thu đến thời điểm 30/9/2009 thì có khoảng hơn 1 tỷ đồng từ Công ty Đóng tàu Hoàng Anh thuộc Vinashin là khoản phải thu khó có khả năng thu hồi. Khoản này đã được trích lập dự phòng đầy đủ. Ngoài ra, các khoản phải thu khác được Công ty đánh giá là lành mạnh.

Để hạn chế rủi ro trong thanh toán, Công ty đã tăng cường công tác quản lý nợ phải thu, tăng khoản ứng trước và áp dụng thời hạn thu hồi tối đa trong 60 ngày; gắn trách nhiệm thu hồi công nợ của đại lý với quyền lợi của họ...

Khoản ứng trước cho người bán

Khoản trả trước cho người bán tại thời điểm 30/9/2009 tăng đột biến là do Công ty ứng tiền mua máy móc thiết bị phục vụ cho việc đầu tư, xây dựng nhà máy sản xuất dây hàn tại Hải Dương. Công ty sẽ hạch toán tăng tài sản cố định khi hoàn thành quyết toán dự án, dự kiến đầu năm 2010.

Bảng 17: Các khoản nợ phải trả

Chỉ tiêu	2007	2008	30/09/2009
Ngắn hạn	40.728.989.781	43.958.619.015	45.730.010.240
1. Vay và nợ ngắn hạn	11.147.730.811	6.488.719.763	19.374.635.753
2. Phải trả người bán	24.484.309.206	26.653.236.136	14.581.824.173
3. Người mua trả tiền trước	237.954.488	5.413.755	78.210.445
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (1)	1.044.093.546	4.231.444.386	3.661.801.453
5. Phải trả người lao động (2)	3.339.506.163	4.665.385.633	6.241.313.910
6. Chi phí phải trả	13.486.248		1.299.807.800
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	461.909.319	1.914.419.342	492.416.706
Dài hạn	1.545.785.768	556.943.640	556.943.640
1. Vay và nợ dài hạn	1.418.843.763	398.472.000	398.472.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	126.942.005	158.471.640	158.471.640

Nguồn: Báo cáo kiểm toán Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức giai đoạn 2007-2008 và Báo cáo tài chính Công ty thời điểm 30/9/2009

Ghi chú:

(1): Đến thời điểm 30/9/2009, Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khoảng 3,6 tỷ đồng chủ yếu là thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ, kết thúc năm tài chính năm 2009, Công ty sẽ quyết toán các khoản thuế phải nộp và sẽ phải nộp trong năm sau.

(2): Các khoản phải trả người lao động là chi phí lương cho người lao động.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản**Bảng 18:** Các chỉ tiêu tài chính của Công ty

Chỉ tiêu	2007	2008
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn = TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,4 lần	1,4 lần
- Hệ số thanh toán nhanh = (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,9 lần	0,7 lần
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,6 lần	0,6 lần
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,5 lần	1,4 lần
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		

- Vòng quay hàng tồn kho	9,8 lần	9,1 lần
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,5 lần	3,7 lần
Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,7%	4,3%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	35,8%	38,8%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	14,2%	15,9%
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	5,9%	5,5%

Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

Bảng chỉ tiêu trên cho thấy, các chỉ tiêu về hệ số thanh toán của Công ty trong năm 2007, 2008 ở mức bình thường, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu và tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản có xu hướng tăng. Tuy nhiên tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần giảm nhẹ do sự gia tăng của chi phí (mà chủ yếu từ giá nguyên vật liệu và chi phí lãi vay) nhanh hơn sự gia tăng của giá bán mặc dù sản lượng năm 2008 tăng 6,9% so với năm 2007. Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn được giữ ở mức ổn định. Trong năm 2008, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế nên tốc luân chuyển hàng tồn kho chậm hơn năm 2007. Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu tăng từ 35,8% năm 2007 lên 38,8% trong năm 2008.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ đào tạo	Năm sinh	Địa chỉ
1	Ngô Bá Việt	C.Tịch HĐQT, Giám đốc	Cử nhân tài chính kinh tế	24/05/1948	Số 8 Yên lảng Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội
2	Bùi Hồng Sơn	UV .HĐQT, Phó Giám đốc	Kỹ sư kinh tế	31/10/1959	Số 24/62/29 phố Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
3	Trần Văn Sơn	UV .HĐQT TP TCNS	Kỹ sư cơ khí hóa chất	30/01/1949	Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội
4	Đặng Trần Lương	UV .HĐQT TP KTCL	Kỹ sư hóa SILICAT	20/07/1947	Số 105 B1D Thành Công Ba Đình Hà Nội
5	Phạm Văn Tư	UV .HĐQT	Thạc sĩ giáo dục học, cử nhân luật	8/01/1956	Số 1106 Mỹ Đình 1 Từ Liêm, Hà Nội
6	Phạm Văn Chương	T.ban K.soát	Kỹ sư kinh tế	18/6/1962	Văn Mỗ Hà Đông, Hà Tây
7	Thái Thị Hồng Loan	UV BKS	Cử nhân kinh tế	23/12/1966	Chương Dương – Hoàn Kiếm – Hà nội
8	Lê Mạnh Hùng	UV BKS	Cử nhân hóa phân tích, cử	15/9/1976	Văn Bình, Thường Tín Hà Nội

nhân kinh tế					
9	Hoàng Xuân Thành	Kế Toán Trưởng	Cử nhân kinh tế	22/04/1965	Nhị Khê Thường Tín, Hà Nội.

12.1 Thành viên Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị bao gồm 5 thành viên:

- | | | |
|---|-----------------|-------------------------------------|
| 1 | Ngô Bá Việt | Chủ tịch HĐQT – Giám đốc Công ty |
| 2 | Bùi Hồng Sơn | Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty |
| 3 | Trần Văn Sơn | Ủy viên HĐQT - TP TCNS |
| 4 | Đặng Trần Lương | Ủy viên HĐQT - TP KTCL |
| 5 | Phạm Văn Tư | Ủy viên HĐQT |

1. Ngô Bá Việt

- ❖ Giới tính: Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh: 24/5/1948
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam
- ❖ Dân tộc: Kinh
- ❖ Quê quán: Xã Thanh Hồng, Thanh Hà, Hải Dương
- ❖ Số CTND : 012618687 cấp ngày 9/6/2003 tại CA.TP Hà Nội
- ❖ Địa chỉ thường trú: Số 84 Yên Lãng, Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội
- ❖ Điện thoại liên lạc(cơ quan): 04 33853 360
- ❖ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Đại học Tài chính - Kế toán
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
1966 - 1974	Bộ đội	
1974 - 1978		Trường TC Quản lý Kinh tế Công nghiệp Hoá chất
1978 - 1988	Phó phòng Kế toán	Mỏ APATIT Lào Cai
1988 - 1996	Trưởng phòng kế toán	Ban quản lý dự án mỏ APATIT Lào Cai
1996 - 1998	Chuyên viên chính	Ban Tài chính Kế toán Tổng công ty Hóa chất Việt Nam
1998 – 2003	Giám đốc	Công ty Que hàn điện Việt Đức

01/2004 – Nay Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay:
 - Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức
 - Giám đốc điều hành
- ❖ Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không
- ❖ Số cổ phần nắm giữ: 906.293 cổ phần

Trong đó:

- Đại diện phần vốn Nhà nước: 411.339 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 494.954 cổ phần
- ❖ Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: 11.000 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

2. Ông Bùi Hồng Sơn

- ❖ Giới tính: Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh: 31/10/1959
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam
- ❖ Dân tộc: Kinh
- ❖ Quê quán: Bình Phú – Tây Sơn – Bình Định
- ❖ Số CMND: 010410929 Cấp ngày 27/06/2001 tại CA.TP Hà Nội
- ❖ Địa chỉ thường trú: Số 24/62/29 Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
- ❖ Điện thoại liên lạc: 04 33852 380
- ❖ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
1984 - 1995	Kỹ sư kinh tế	Công ty Cơ khí Hà Nội
1995 – 2002	Phò phòng Kế hoạch kinh doanh	Công ty Cơ khí Hà Nội
2002 – 2005	Phó phòng Kỹ thuật chất lượng	Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức
05/2005 – Nay	Phó Giám đốc	Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay:
 - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức
 - Phó Giám đốc điều hành

- ❖ Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không
- ❖ Số cổ phần nắm giữ: 156.010 cổ phần

Trong đó:

- Đại diện phần vốn Nhà nước: 137.113 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 18.897 cổ phần
- ❖ Những người có liên quan: Không
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

3. Ông Trần Văn Sơn

- ❖ Giới tính: Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh: 30/01/1949
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam
- ❖ Dân tộc: Kinh
- ❖ Quê quán: Thái Phương, Hưng Hà, Thái Bình
- ❖ Số CMND: 111351099 Cấp ngày 20/05/1995 tại CA.Hà Tây
- ❖ Địa chỉ thường trú: Nhị Khê, Thường Tín, Hà Tây
- ❖ Điện thoại liên lạc: 034 3853 361
- ❖ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí hóa chất
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
1974 -1982	Kỹ sư	Nhà máy Que hàn điện Việt Đức
1983 – 1986	Trưởng ngành SX phụ	Nhà máy Que hàn điện Việt Đức
1986 – 1987	Thực tập	CHDC Đức
1987 – 1989	Kỹ sư	Nhà máy Que hàn điện Việt - Đức
1989 – 2003	Trưởng phòng TCNS	Công ty Que hàn điện Việt Đức
1998 – 2003	Giám đốc	Công ty Que hàn điện Việt Đức
01/2004 – nay	Chuyên viên chính Trưởng phòng TCNS	Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay:
 - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức
 - Trưởng phòng Tổ chức – Nhân sự
- ❖ Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không

- ❖ Số cổ phần nắm giữ: 6.000 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 6.000 cổ phần
- ❖ Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: 3.000 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

4. Ông Đặng Trần Lương

- ❖ Giới tính: Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh: 20/07/1947
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam
- ❖ Dân tộc: Kinh
- ❖ Quê quán: Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội
- ❖ Số CMND: 111351090 Cấp ngày 17/07/2007 tại CA Hà Tây
- ❖ Địa chỉ thường trú: Sè 105-B1D Tập thể Thành Công, Thành Công, Ba Đình, HN
- ❖ Điện thoại liên lạc: 034 3852 955
- ❖ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
1968 – 1973	Kỹ thuật viên	Nhà máy Que hàn điện Việt Đức
1973 – 1974	Thực tập	CHDC Đức
1974 – 1987	Kỹ sư	Nhà máy Que hàn điện Việt Đức
1987 - 1991	Đội trưởng	Hợp tác lao động tại CHDC Đức
1992 – 1996	Kỹ sư	Công ty Que hàn điện Việt Đức
1996 - 2000	Trưởng ban nghiên cứu	Công ty Que hàn điện Việt Đức
2000 – 2001	Trưởng phòng kỹ thuật	Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức
2002 – nay	Kỹ sư chính Trưởng phòng Kỹ thuật chất lượng	Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay:
 - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức
 - Trưởng phòng Kỹ thuật chất lượng

- ❖ Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không
- ❖ Số cổ phần nắm giữ: 7.794 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 7.794 cổ phần
- ❖ Những người có liên quan: Không
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

5. Ông Phạm Văn Tư

- ❖ Giới tính: Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh: 08/01/1956
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam
- ❖ Dân tộc: Kinh
- ❖ Quê quán: Thanh Hồng, Thanh Hà, Hải Dương
- ❖ Số CMND: 012886345 do Công an T.P Hà Nội cấp ngày 28/6/2006
- ❖ Địa chỉ thường trú: Phòng 1106 nhà C6 Mỹ Đình I – Từ Liêm – Hà Nội
- ❖ Điện thoại liên lạc: 0433
- ❖ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ giáo dục học, Cử nhân luật
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
1983 – 1995	Kỹ thuật viên	Viện điều dưỡng Tổng cục đường biển Hải Phòng
1995 - 2002	Cán bộ kinh doanh	Công ty TM&DV XNK Hải Phòng
2002 – 2004	Trưởng phòng kinh doanh	Công ty Que hàn điện Việt Đức
2004 - 2005	Trưởng phòng hành chính	UBTDTT
2006 – 07/2009	Trưởng phòng	Khu liên hợp thể thao quốc gia Mỹ Đình, Hà Nội
08/2009 - nay	Phó ban quản lý dự án	Công ty CP Que hàn điện Việt Đức

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay:
 - Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó ban quản lý dự án Công ty CP Que hàn điện Việt Đức
- ❖ Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không
- ❖ Số cổ phần nắm giữ: 208.376 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 208.376 cổ phần
- ❖ Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: 256.400 cổ phần

- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

12.2 Thành viên Ban kiểm soát

STT	Tên	Chức vụ
1	Phạm Văn Chương	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Thái Thị Hồng Loan	Thành viên Ban Kiểm soát – Nhân viên bán hàng
3	Lê Mạnh Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát – Nhân viên phòng thí nghiệm

1. Ông Phạm Văn Chương

- ❖ Giới tính: Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh: 18/6/1962
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam
- ❖ Dân tộc: Kinh
- ❖ Số CMND: 111351128 Cấp ngày 20/05/1995 tại CA.Hà Tây
- ❖ Địa chỉ thường trú: Văn Mỗ - Hà Đông – Hà nội
- ❖ Điện thoại liên lạc cơ quan : 0438266205, ĐTDĐ : 0912326319
- ❖ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
11/1984 – 1/1996	Nhân viên phòng TCNS	Nhà máy Que hàn điện Việt Đức
2/1996 – 10/1998	Chuyên viên phòng quản lý tòa án	Sở Tư Pháp Hà Tây
12/1998 – 5/2006	Chuyên viên Ban tổ chức Nhân sự	Tổng công ty Hóa chất Việt Nam
6/2006 đến nay	Phó trưởng ban Tổ chức nhân sự	Tổng công ty Hóa chất Việt Nam

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức
- ❖ Chức vụ công tác ở Công ty khác: Phó trưởng ban Tổ chức nhân sự Tổng công ty Hóa chất Việt Nam
- ❖ Số cổ phần nắm giữ: 4.590 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 4.590 cổ phần

- ❖ Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

2. Bà Thái Thị Hồng Loan

- ❖ Họ và tên: Bà Thái Thị Hồng Loan
- ❖ Số chứng minh thư nhân dân: 013087727 Cấp ngày 10/07/2008 tại CA Hà nội
- ❖ Giới tính: Nữ
- ❖ Ngày tháng năm sinh: 23/12/1966
- ❖ Nơi sinh: Thị xã Lào Cai, Lào cai
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam
- ❖ Dân tộc: Kinh
- ❖ Quê quán : Hương Sơn - Nghệ Tĩnh
- ❖ Địa chỉ thường trú: Chương Dương – Hoàn kiếm – Hà nội
- ❖ Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 043 3853 364
- ❖ Trình độ văn hoá: 10/10
- ❖ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Nơi công tác
1986 – 1997 :	Công tác tại công ty Apatit Việt nam
1997 -2002	Công tác tại phòng vật tư KD – XN hoá chất Yên Viên Hà nội
2002 đến nay	Nhân viên phòng KHKD Công ty Cp Que hàn điện Việt Đức

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Nhân viên bán hàng
- ❖ Số cổ phần nắm giữ: 3.398 CP
- ❖ Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không có
- ❖ Các khoản nợ đối với công ty (nếu có): Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Không
- ❖ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

3 Ông Lê Mạnh Hùng

- ❖ Giới tính: Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh: 15/9/1976
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam
- ❖ Dân tộc: Kinh
- ❖ Quê quán: Văn Bình – Thường Tín – Hà Tây

- ❖ Số CMND: Bổ sung thông tin
- ❖ Địa chỉ thường trú: Văn Bình – Thường Tín – Hà Tây
- ❖ Điện thoại liên lạc: 034 3852 955
- ❖ Trình độ chuyên môn: Cử nhân hóa phân tích, Cử nhân kinh tế
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
1999 – 12/2008	Kỹ sư hóa phòng Kỹ thuật chất lượng	Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức
1/2009 – nay	Phó trưởng phòng Kỹ thuật chất lượng	Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay:
 - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức
 - Phó trưởng phòng Kỹ thuật chất lượng
- ❖ Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không
- ❖ Số cổ phần nắm giữ: 7.794 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 7.794 cổ phần
- ❖ Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với tổ chức nhiệm yết: Không

12.3 Ban Giám đốc

STT	Tên	Chức vụ
1	Ngô Bá Việt	Chủ tịch HĐQT – Giám đốc điều hành Công ty
2	Bùi Hồng Sơn	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty

1. Ngô Bá Việt - Giám đốc (Như trên)

2. Bùi Hồng Sơn - Phó Giám đốc (Như trên)

12.4 Kế toán trưởng

1. Hoàng Xuân Thành – Kế toán trưởng

- ❖ Giới tính: Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh: 22/4/1965
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam
- ❖ Dân tộc: Kinh
- ❖ Quê quán: Phùng Hưng, Khoái Châu, Hưng Yên
- ❖ Số CMND: 111180485 Cấp ngày 19/06/2007 tại CA.Hà Tây

- ❖ Địa chỉ thường trú: Khu tập thể CTCP Que hàn điện Việt Đức, Nhị Khê, Thường Tín, Hà nội
- ❖ Điện thoại liên lạc: 034 3853 363
- ❖ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
1988 – 1989	Công nhân gia công thuốc bọc que hàn	Công ty Que hàn điện Việt Đức
1990 – 1991	NV cung ứng vật tư	Công ty Que hàn điện Việt Đức
1991 – 2001	Kế toán Tổng hợp	Công ty Que hàn điện Việt Đức
2002 – Nay	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay:
 - Kế toán trưởng
- ❖ Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không
- ❖ Số cổ phần nắm giữ: 11.999 cổ phần
- ❖ Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: 6.000 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không



13. Tài sản

Bảng 25: Tài sản cố định

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nhóm TSCĐ	31/12/2008			30/9/2009		
		Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	8.974.113.447	7.637.243.322	1.336.870.125	8.974.113.447	7.744.343.322	1.229.770.125
2	Máy móc, thiết bị	28.006.362.602	18.297.364.571	9.708.998.031	27.918.926.702	21.413.028.671	6.505.898.031
3	Phương tiện vận tải	2.679.024.353	1.478.134.990	1.200.889.363	3.929.011.682	1.673.134.990	2.255.876.692
4	Thiết bị, dụng cụ QL	383.499.525	359.457.899	24.041.626	383.499.525	370.257.899	13.241.626

Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

Bảng 26: Tình hình đất đai đang sử dụng

STT	Địa điểm	Diện tích (m2)	Hình thức sở hữu
1	Trụ sở chính và nhà máy sản xuất: Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội	27.800 m2	Đi thuê 50 năm kể từ tháng 12/2003. Hiện Công ty đang hoàn thiện hợp đồng thuê đất
2	Nhà máy sản xuất Dây hàn tại Tân Trường, H.Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương	21.700 m2	Thuê 50 năm kể từ năm 2009

Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

14.1 Một số chỉ tiêu dự kiến về kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 27: Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2009 - 2011

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
		Giá trị	% tăng/giảm so với năm 2008	Giá trị	% tăng/giảm so với năm 2009	Giá trị	% tăng/giảm so với năm 2010
1	Vốn điều lệ	27.422	28,2	27.422	0	27.422	0
2	Vốn chủ sở hữu	31.886	2,9	33.124	4	34.399	4
3	Sản lượng sản xuất (Triệu tấn)	13.200	-11,9	13.500	2	14.000	4
	<i>Que hàn (Tấn)</i>	<i>11.000</i>	<i>-12,8</i>	<i>10.500</i>	<i>-4,5</i>	<i>10.000</i>	<i>-5</i>
	<i>Dây hàn (Tấn)</i>	<i>2.200</i>	<i>-7,1</i>	<i>3.000</i>	<i>36,4</i>	<i>4.000</i>	<i>33</i>
4	Doanh thu thuần	232.000	-18	280.000	20,7	295.000	5
5	Lợi nhuận trước thuế	24.000	49,2	16.500	-31,3	17.000	3
6	Lợi nhuận sau thuế	18.000	49,6	12.375	-31,3	12.750	3
7	Cổ tức (%)	35	-11,7	25	-10	25	0
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	7,8	3,5	4,4	-3,4	4,3	-0,1
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (%)	56,4	17,6	37,4	-19	37,1	-0,3
10	Thu nhập bình quân/người/tháng (triệu đồng)	5.285	0,9	5.135	-1,98	5.392	5

Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

14.2 Căn cứ để đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức là Công ty dẫn đầu trong việc sản xuất các loại vật liệu hàn như que hàn, dây hàn phục vụ cho các ngành đóng tàu, thủy điện, cơ khí, sửa chữa ô tô xe máy... Do bí quyết về công nghệ nên Công ty có độc quyền về sản xuất que hàn N46. Ngoài ra, việc đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất dây hàn tại Hải Dương với công suất 6.000 tấn/năm sẽ góp phần thúc đẩy thị phần và doanh thu của Công ty trong các năm tới. Đây là yếu tố chiến lược trong định hướng kinh doanh của Công ty nhằm đón đầu xu thế của thị trường đó là khi công nghệ phát triển thì việc sử dụng dây hàn cho các mối hàn sẽ ngày càng được đẩy mạnh. Theo đánh giá của Công ty, các ngành sản xuất có liên quan

trực tiếp đến tiêu thụ sản phẩm của công ty như đóng tàu thủy điện, cơ khí, ô tô xe máy có dấu hiệu phát triển mạnh trong một vài năm tới. Dự kiến năm 2010, nhu cầu về vật liệu hàn sẽ tăng khoảng 10-12% và khoảng 15-16% trong các năm tiếp theo.

9 tháng đầu năm 2009, doanh thu của Công ty đạt 178 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 20,9 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 15,7 tỷ đồng. Căn cứ vào kết quả kinh doanh của 9 tháng đầu năm 2009 và tình hình thị trường những tháng cuối năm dự kiến là sẽ ổn định, Công ty đã thống nhất điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2009 là tổng doanh thu thuần 232 tỷ đồng giảm 18% so với năm 2008, tổng lợi nhuận trước thuế 24 tỷ đồng tăng 49,2% so với năm 2008, lợi nhuận sau thuế 18 tỷ đồng 49,6% so với năm 2008. Việc điều chỉnh giảm doanh thu là do suy thoái kinh tế trong năm 2009 đã ảnh hưởng đến việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty, tuy nhiên lợi nhuận dự kiến cao hơn so với năm 2008 là do thời điểm đầu năm 2009, Công ty đã quyết định mua được khối lượng lớn nguyên vật liệu với giá thấp.

Trong giai đoạn từ năm 2010 trở đi, Công ty định hướng sẽ chuyển dịch dần từ việc sản xuất que hàn sang dây hàn, cụ thể sản lượng của que hàn sẽ giảm khoảng 4,5-5%, sản lượng dây hàn sẽ tăng tương ứng 36,4% và 33% trong năm 2010 và 2011. Tuy nhiên, giai đoạn này, do nhà máy sản xuất dây hàn ở Hải Dương mới đi vào giai đoạn vận hành nên Công ty đặt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận trước thuế là 16,5 tỷ đồng trong năm 2010 và 17 tỷ đồng trong năm 2011. Trong đó, năm 2010 dây hàn chưa đem lại lợi nhuận do doanh thu chưa đủ bù chi phí (mặc dù sản lượng dự kiến sẽ tăng 36,4% so với năm 2009), năm 2011 khi sản lượng dự kiến tăng lên 4.000 tấn thì lợi nhuận sau thuế dự kiến của nhà máy này sẽ khoảng 2,6 tỷ đồng.

Công ty xây dựng kế hoạch dựa trên năng lực hiện tại, thế mạnh và kinh nghiệm sản xuất kinh doanh trong hơn 40 năm qua cùng những nhận định về khả năng tăng trưởng của thị trường trong các năm tiếp theo. Để đạt được kế hoạch trên, chiến lược phát triển và giải pháp thực hiện của Công ty trong các năm tới dự kiến như sau:

Củng cố và phát triển thị trường tiêu thụ

- ❖ Giữ vững và mở rộng thị trường hiện có, tăng thị phần tiêu thụ, đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường tiếp thị bán hàng, thông tin quảng cáo.
- ❖ Linh hoạt trong phương thức bán hàng phù hợp với cơ chế thị trường trong mọi tình huống.

Công tác đầu tư về công nghệ sản xuất

- ❖ Ổn định và không ngừng cải tiến, hợp tác đầu tư công nghệ, nâng cao chất lượng các sản phẩm hiện có
- ❖ Đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng ngày càng tăng nhu cầu của khách hàng.

Đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành nhà máy sản xuất mới

- ❖ Hoàn thành việc xây dựng và khai thác có hiệu quả dự án xây dựng nhà máy sản xuất dây hàn các loại công suất 6.000 tấn/năm tại xã Tân Trường, H.Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

- ❖ Tiếp tục đầu tư mới hệ thống máy ép que hàn, máy thả thùng dây hàn và hệ thống sản xuất bột hàn nóng chảy, bột hàn gồm có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Chính sách nhân sự

- ❖ Tuyển dụng mới kỹ sư, công nhân có trình độ và tay nghề cao đáp ứng được yêu cầu vận hành sản xuất các thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến của công ty cùng với việc đào tạo và đào tạo lại đội ngũ công nhân sản xuất công nghệ tại các vị trí hiện tại của công ty.

Công tác quản lý chất lượng

- ❖ Duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 mà công ty đã xây dựng và vận hành.

15. Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thu thập các thông tin, tiến hành các đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức được thành lập từ năm 1967 và có hơn 40 năm kinh nghiệm quản lý, sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực vật liệu hàn mà ban đầu là que hàn điện với thể mạnh độc quyền sản xuất que hàn N46 (chiếm 70% sản lượng tiêu thụ của Công ty.) Dựa trên lợi thế của người tiên phong trong lĩnh vực sản xuất vật liệu hàn, năm 2003, Công ty đã chủ động đẩy mạnh đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ để mở rộng sản xuất sang sản phẩm mới là dây hàn và chính thức cho sản phẩm từ năm 2004. Trong những năm qua, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, Công ty đã đạt được tốc độ phát triển khá. Năm 2007, tốc độ tăng trưởng của sản lượng tiêu thụ đạt 23%, tăng trưởng doanh thu đạt 45,2%, tăng trưởng lợi nhuận trước thuế đạt 60,1%. Trong năm 2008, tốc độ tăng trưởng sản lượng tiêu thụ đạt 6,9%, tăng trưởng doanh thu đạt 60,5%, tăng trưởng lợi nhuận đạt 39,1%.

Do những ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới, năm 2009, Công ty đặt kế hoạch sản lượng que hàn và dây hàn là 13.200 tấn giảm 11,9% so với năm 2008, doanh thu thuần dự kiến khoảng 232 tỷ đồng giảm 18% so với năm 2008. Tuy nhiên, do những quyết định đúng đắn và kịp thời, đầu năm 2009, Công ty đã mua được khối lượng nguyên vật liệu (thép) lớn ở mức giá thấp, đây là nguyên nhân làm cho lợi nhuận dự kiến trong năm 2009 sẽ vẫn tăng so với năm 2008 trong khi doanh thu và sản lượng đều giảm sút. Sắp tới, Công ty sẽ chuyển toàn bộ việc sản xuất dây hàn về nhà máy tại Hải Dương và chính thức khai trương nhà máy này vào khoảng đầu năm 2010. Với những đánh giá về xu hướng của thị trường trong tương lai, chiến lược phát triển của Công ty là sẽ đẩy mạnh việc sản xuất các loại dây hàn và giảm dần sản xuất que hàn, cụ thể sản lượng que hàn năm 2010-2011 sẽ giảm tương ứng 4,5-5%; dây hàn sẽ vẫn giữ mức tăng trưởng tương ứng 36,4% và 33%. Với những diễn biến khó lường của giá nguyên vật liệu, và chi phí cố định lớn phát sinh từ nhà máy mới, Công ty dự kiến lợi nhuận trước thuế năm 2010 bằng với năm 2009 trong khi doanh thu dự kiến tăng 20,7% và đặt kế hoạch lợi nhuận sau thuế tăng 3% trong năm 2011 khi sản lượng dự kiến của dây hàn tăng lên 4.000 tấn và doanh thu dự kiến tăng 5% so với năm 2010.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty thể hiện những dự định mang tính chất chiến lược dài hạn và được xây dựng dựa trên những kinh nghiệm lâu năm về quản lý và sản xuất kinh doanh. Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, SSI cho rằng nếu không có những biến động bất thường ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và những nhận định của Công ty về thị trường, khả năng phát triển cũng như giá cả nguyên vật liệu đầu là chính xác thì kế hoạch kinh doanh trên là khả thi.

Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu.

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số chứng khoán niêm yết: 2.742.270 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Công ty

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP HCCN theo quy định của NĐ 14		Tổng cộng
			Trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết	Trong vòng 06 tháng tiếp theo	
1	Ngô Bá Việt	C.Tịch HĐQT, Giám đốc	494.954	247.477	494.954
2	Bùi Hồng Sơn	UV .HĐQT, Phó Giám đốc	18.897	9.449	18.897
3	Trần Văn Sơn	UV .HĐQT TP TCNS	6.000	3.000	6.000
4	Đặng Trần Lương	UV .HĐQT TP KTCL	7.794	3.897	7.794
5	Phạm Văn Tư	UV .HĐQT	208.376	104.188	208.376
6	Phạm Văn Chương	T.ban K.soát	4.590	2.295	4.590
7	Thái Thị Hồng Loan	UV BKS	3.398	1.699	3.398

8	Lê Mạnh Hùng	UV BKS	7.794	3.897	7.794
9	Hoàng Xuân Thành	Kế Toán Trưởng	11.999	6.000	11.999
Tổng số cp hạn chế chuyển nhượng					763.802

Nguồn: Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức

- ❖ Tiết d, Điểm 1, Điều 9, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán quy định: “Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”.

Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là 763.802 cổ phần

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của cổ phiếu được tính theo công thức:

= $\frac{\text{Vốn chủ sở hữu (đã loại trừ quỹ khen thưởng phúc lợi và nguồn kinh phí khác)}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$

Tại thời điểm 31/12/2008

30.995.776.610

= $\frac{30.995.776.610}{2.139.030}$ = 14.490 đồng

2.139.030

Tại thời điểm 30/9/2009

48.146.604.716

= $\frac{48.146.604.716}{2.742.270}$ = 17.557 đồng

2.742.270

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Căn cứ theo Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài mua bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được phép nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng. Đến thời điểm hiện nay, nhà đầu tư nước ngoài nắm 0 cổ phiếu của Công ty.

7. Các loại thuế có liên quan:

Các loại thuế đối với Công ty Que hàn điện Việt Đức là thuế giá trị gia tăng, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhà đất...

- ❖ Thuế nhập nguyên vật liệu: Thuế nhập khẩu thép 5%, thuế nhập khẩu feromangan 5%
- ❖ VAT: 10%
- ❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp đang áp dụng: 25%.
- ❖ Ưu đãi thuế: Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa là miễn 100% trong năm 2004, 2005; giảm 50% trong năm 2006, 2007; theo Nghị quyết số 30/2008/NQQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế duy trì tăng trưởng tế, bảo đảm an sinh xã hội, Công ty còn được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong Quý IV năm 2008 và năm 2009.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT

1. Tổ chức Tư vấn

- ❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

- Trụ sở chính

Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08. 824 2897

Fax: 08. 824 7430

Email: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

- Chi nhánh Công ty Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

1C Ngô Quyền – Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.9366321

Fax: 04.9366311

2. Tổ chức Kiểm toán

- ❖ Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC)

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 8241990/1

Fax: (84-4) 8253973

VII. PHỤ LỤC

- ❖ **Phụ lục 1:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- ❖ **Phụ lục 2:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua niêm yết cổ phiếu;
- ❖ **Phụ lục 3:** Quyết định của HĐQT về việc thông qua hồ sơ niêm yết, Quy chế quản trị Công ty, Quy trình công bố thông tin;
- ❖ **Phụ lục 4:** Các báo tài chính kiểm toán năm 2007 – 2008 và 9 tháng đầu năm 2009
- ❖ **Phụ lục 5:** Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát;
- ❖ **Phụ lục 6:** Sổ đăng ký cổ đông tại thời điểm 30/10/2009
- ❖ **Phụ lục 7:** Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- ❖ **Phụ lục 8:** Danh sách thành viên chủ chốt và người có liên quan;
- ❖ **Phụ lục 9:** Cam kết nắm giữ của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát;
- ❖ **Phụ lục 10:** Hợp đồng tư vấn niêm yết;
- ❖ **Phụ lục 11:** Giấy ủy quyền nhân viên công bố thông tin và quy trình nội bộ về công bố thông tin;
- ❖ **Phụ lục 12:** Cam kết xây dựng quy chế quản trị Công ty;
- ❖ **Phụ lục 13:** Các tài liệu khác.

Hà Nội, ngày tháng năm 2009

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

NGÔ BÁ VIỆT

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM VĂN CHƯƠNG

HOÀNG XUÂN THÀNH

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN
GIÁM ĐỐC KHÓI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ**

NGUYỄN THANH HƯƠNG

